



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**  
Số : 48-20/TB-TĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2020

## **THÔNG BÁO**

Về việc : triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi : QUÝ CỔ ĐÔNG CTY CP BV TIM TÂM ĐỨC

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty với các thông tin sau:

**Thời gian :** Vào lúc 08:00 giờ, thứ Bảy ngày 25 tháng 04 năm 2020

**Địa điểm :** Hội trường Khoa học Hữu nghị – Lầu 7 – Bệnh viện Tim Tâm Đức - Số 4 Đường Nguyễn Lương Bằng – Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh

**Đối tượng tham dự:** Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức vào ngày chốt danh sách 01/04/2020

### **Nội dung:**

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động 2019,
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2019
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019. Mức chi trả cổ tức 2019 là 33%
4. Thông qua đề xuất ủy quyền Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2020
5. Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020
6. Thông qua Kế hoạch trích quỹ 2020
7. Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức 2020
8. Bầu Ban Kiểm Soát Nhiệm kỳ 2020-2024.
9. Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ

Trong trường hợp không thể tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo mẫu Giấy ủy quyền của Công ty.

Khi tham dự, Quý cổ đông vui lòng mang theo Giấy chứng minh nhân dân, Giấy ủy quyền (nếu có) để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội.

Các tài liệu liên quan đến Đại hội được gửi theo Thư mời và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức tại địa chỉ [www.tamduchearthospital.com](http://www.tamduchearthospital.com) từ ngày 07/04/2020.

Trân trọng.

Tài liệu đính kèm:

1. Báo cáo thường niên 2019 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán
2. Giấy ủy quyền
3. Thẻ lệ bầu cử BKS

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**TS BS NGUYỄN NGỌC CHIẾU**

Địa chỉ: 04 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 5411 0036 Fax: (84 28) 5411 0029

Website: [www.tamduchearthospital.com](http://www.tamduchearthospital.com) - Email: [hospital@tamduchearthospital.com](mailto:hospital@tamduchearthospital.com)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ...../...../2020

## GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi tên :

CMND số :....., cấp ngày :..... tại .....

Địa chỉ thường trú : .....

Là cổ đông của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức

Ủy quyền cho : .....

Là : .....

thay mặt tôi tham dự kỳ họp : **ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

**Ngày 25.04.2020**

Và thay mặt tôi tham gia ý kiến và biểu quyết

Giấy ủy quyền có giá trị hết ngày

**Người ủy quyền**  
( ký tên )

**Người được ủy quyền**  
( ký tên )



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**Tài liệu đính kèm thư mời họp ĐHCĐ 2020**

- o Căn cứ khoản 3 Điều 144 của Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- o Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng
- o Căn cứ Điều 17 của Nghị định 139 NĐ/CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ về việc hướng dẫn bầu dồn phiếu tại Đại hội cổ đông;
- o Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ Phần Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua ngày 28.04.2018
- o Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ đã được Đại Hội Cổ Đông thông qua ngày 28.04.2018.

## **THẺ LỆ BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT**

### **1. THẺ THỨC BẦU DÒN PHIẾU**

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm Soát phải được thực hiện theo phương thức *bầu dồn phiếu*, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu nhân với 3, là số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. (Chương V, Điều 17, Khoản 2, Điểm 7, Mục 3)

Ví dụ: Trong kỳ Đại hội này, sẽ bầu 3 thành viên Ban Kiểm Soát nên một cổ đông X sở hữu 10.000 cổ phần sẽ có tổng số phiếu bầu là :  $10.000 \times 3 = 30.000$  phiếu bầu. Cổ đông X có quyền dồn hết số phiếu bầu cho 1 ứng viên hoặc chia số phiếu bầu cho nhiều ứng viên vào ô số phiếu bầu bên cạnh tên ứng viên.

Trong trường hợp cổ đông X nằm trong danh sách *đại cổ đông* đề cử ứng cử viên Y vào Ban Kiểm Soát thì theo quy định của luật Doanh nghiệp, cổ đông X *nhất thiết phải dồn hết 30.000 phiếu bầu của mình cho ứng cử viên Y*.

### **2. QUYỀN ỨNG CỬ VÀ ĐỀ CỬ CỦA CỔ ĐÔNG :**

- 2.1. Đại cổ đông là Cổ đông hay nhóm cổ đông tham gia sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử người ứng cử vào Ban Kiểm Soát (Chương IV, Điều 15, Khoản 1, Điểm 1, Mục 6)
- 2.2. Trường hợp đã xác định được cử viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm Soát được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm Soát được công bố tối thiểu bao gồm: Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; Địa chỉ thường trú; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác;

Địa chỉ: 04 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 28) 5411 0036 Fax: (84 28) 5411 0029

Website: [www.tamduchearthospital.com](http://www.tamduchearthospital.com) - Email: [hospital@tamduchearthospital.com](mailto:hospital@tamduchearthospital.com)

2.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên ứng cử hoặc đề cử thấp hơn 3 thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đề cử (Nghị định 71, Điều 11, Khoản 3).

### 3. QUYỀN BẦU CỬ CỦA CỔ ĐÔNG :

Cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu Đại Hội Cổ Đông thường niên 2020 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán có quyền tham dự Đại hội và bầu các thành viên Ban Kiểm Soát.

### 4. NGƯỜI TRÚNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:

Được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ 3 thành viên.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**TS BS NGUYỄN NGỌC CHIỀU**



# BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 25.04.2020

**PHẦN I**

1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC
2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

**PHẦN II**

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2019
3. KẾ HOẠCH NĂM 2020

**PHỤ LỤC**

1. BÁO CÁO KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2019
2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



**Phần I**  
**LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**  
**BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**



## CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

### I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Viện Tim thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu hoạt động từ 01.01.1992 đã nhanh chóng là niềm hy vọng sống của biết bao người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần điều trị nội khoa hiệu quả để sớm hồi phục. Vào cuối năm 1999, Viện Tim đã mổ mỗi năm hàng ngàn trường hợp, tỷ lệ thành công là 97,6% đã có nhiều ngàn người bệnh tim được cứu sống nhưng cũng đã có hơn 5.000 người bệnh tim cần mổ còn phải đợi chờ. Làm sao để nhanh chóng cứu người đã không ngừng thôi thúc Viện Tim chuyển giao kỹ thuật cho các Bệnh viện bạn cùng chia sẻ gánh nặng với Viện Tim, cùng mổ tim để kịp cứu người.

Vào năm 2000, được sự khuyến khích của các vị Lãnh đạo thành phố, Sở Y tế và Bộ Y tế mong muốn Viện Tim huy động các nguồn lực trong xã hội xây dựng thêm một Bệnh viện chuyên khoa tim hiện đại, cùng quy mô như Viện Tim để nâng công suất mổ cả nước lên gấp 3 lần công suất của Viện Tim. Từ mục đích cao đẹp đó và trên cơ sở chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Văn hóa Thể thao ban hành trong Nghị định số 73/1999/NĐCP ngày 19/8/1999 của Chính phủ, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được hình thành.

Ngày 27/10/2000 UBND thành phố Hồ Chí Minh qua công văn số 1641-VP-VX chỉ đạo Sở Y tế xem xét tạo điều kiện thành lập một Bệnh viện Tim tư nhân; Ngày 3/11/2000 Sở Y tế thành phố đã có ý kiến chỉ đạo Viện Tim hỗ trợ về đào tạo nhân lực, chuyển giao kỹ thuật cho Bệnh viện Tim Tâm Đức; Ngày 17/5/2002 Đại hội cổ đông sáng lập Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức gồm 8 thành viên với sự giúp đỡ của các Cố vấn: TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu, PGS. TS. BS. Phạm Nguyễn Vinh, BS. Phan Kim Phương và được sự ủng hộ nhiệt tình của GS. VS. Dương Quang Trung, GS. Alain Carpentier là những vị sáng lập nên Viện Tim, đã đặt những nền móng đầu tiên cho sự phát triển của Tâm Đức.

Ngày 16/07/2002 Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001109 cho Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức. Năm 2004 Bệnh viện Tim Tâm Đức thuộc Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức được khởi công xây dựng trên diện tích 10.000m<sup>2</sup> tại số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích sử dụng 17.984 m<sup>2</sup>, quy mô 180 giường, có đầy đủ các khoa:

- Khoa Khám điều trị ngoại trú có khả năng khám và điều trị mỗi ngày từ 300 đến 400 người bệnh về tim mạch; về chuyên Khoa Mắt, Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Sản Phụ khoa có liên quan vấn đề tim mạch, về cận lâm sàng và xét nghiệm.
- Khoa Phẫu thuật tim và mạch máu có 72 giường điều trị và 2 phòng mổ hiện đại có khả năng mổ 4-6 ca /ngày, 1.000 đến 1.200 ca/năm với các bệnh lý Tim bẩm sinh, bệnh van tim, bệnh động mạch vành và các bệnh tim và mạch máu khác.
- Khoa Hồi sức ngoại tim mạch có 15 giường Hồi sức sau mổ tim có khả năng điều trị hiệu quả những trường hợp hậu phẫu nặng, cho những bệnh nhi rất nhỏ tuổi cũng như những bệnh nhân rất nhiều tuổi.
- Khoa Hồi sức cấp cứu nội tim mạch có 18 giường, điều trị cấp cứu và hồi sức tích cực các bệnh lý tim mạch.
- Khối Nội tim mạch có 80 giường được tổ chức thành 3 Khoa NTM 1,2,3, điều trị nội các bệnh lý tim mạch cũng như những bệnh lý khác có liên quan đến tim mạch, có Phòng thăm dò chức năng tim mạch (Siêu âm Tim, ECG gắng sức), Phòng thăm dò loạn nhịp, khảo sát điện sinh lý tim để chẩn đoán cắt đốt hoặc cấy đặt các thiết bị điều trị rối loạn nhịp tim và Khoa thông tim can thiệp có khả năng thông tim can thiệp 5-6 trường hợp mỗi ngày, điều trị bệnh lý mạch vành, bệnh lý mạch máu khác, bệnh lý tim bẩm sinh và siêu âm trong lòng mạch (IVUS).



Bệnh viện Tim Tâm Đức tổ chức đơn vị Tiếp tân chuyên nghiệp, hướng dẫn chu đáo cho người đến khám bệnh, có nhà hàng phục vụ ăn uống và giải khát lịch sự, là nơi cung cấp thức ăn cho bệnh nhân điều trị nội trú cũng như thân nhân người bệnh với nguồn thực phẩm đảm bảo chất lượng, là nơi có thể tổ chức hội nghị khoảng 300 người. Đặc biệt Bệnh viện Tim Tâm Đức có bãi đáp trực thăng dành cho trường hợp cấp cứu khẩn cấp trong tương lai khi điều kiện cho phép.

Sau 18 tháng xây dựng và hơn 2 năm đào tạo đội ngũ chuyên khoa nội, ngoại khoa cho hơn 100 bác sĩ và y tá, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã chính thức khánh thành vào ngày 08/03/2006 và đã nhanh chóng trở thành niềm hy vọng mới của những người mắc bệnh tim cần mổ để được sống, cần thông tim can thiệp kịp thời, điều trị loạn nhịp tiên tiến hoặc điều trị nội khoa hiệu quả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

- Tên giao dịch : **TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **TAM DUC CO.**
- Địa chỉ : Số 04 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: (08) 54110025 Fax: (08) 54110029
- Website: [www.tamduchearthospital.com.vn](http://www.tamduchearthospital.com.vn)
- Mã số doanh nghiệp: 0302668322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 16/7/2002; đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 25/06/2015.
- Vốn điều lệ: 155.520.000.000 đồng (*một trăm năm mươi lăm tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).
- Người đại diện theo pháp luật của công ty :  
**TS.BS. NGUYỄN NGỌC CHIẾU Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức là công ty đại chúng theo công văn số 08/UBCK-QLPH ngày 17/01/2008 của UBCK Nhà nước.
- Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDC Hà nội cấp ngày 23/01/2017. Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu: 15.552.000 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu



## II. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

### 1. PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

Từ 08/3/2006 đến 31/12/2019, sau 14 năm hoạt động Bệnh viện Tim Tâm Đức đã khám điều trị ngoại trú cho 1.026.443 người bệnh; điều trị nội trú 65.335 người bệnh trong đó gần 60% từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Đã mổ 10.115 trường hợp tim bẩm sinh, bệnh van tim và bệnh mạch vành; đã thông tim can thiệp cho 17.592 trường hợp; đã khảo sát điện sinh lý và đặt máy tạo nhịp cho 2.759 trường hợp. Đặc biệt trước kia những người nước ngoài làm việc tại Việt nam mắc bệnh tim thường phải được cấp cứu chuyển sang nước ngoài điều trị rất phức tạp, nguy hiểm và tốn kém. Bốn năm gần đây những người nước ngoài làm việc tại Việt nam (Mỹ, Pháp, Nga, Ý, Anh, Đức, Nhật, Hàn quốc, Ấn độ, Đài loan, Singapore, Lào, Campuchia...) có vấn đề về tim mạch đã đến Tâm Đức để cấp cứu, thông tim, điều trị loạn nhịp và mổ bắc cầu động mạch vành.

Ngoài hoạt động khám, chữa bệnh, Bệnh viện Tim Tâm Đức còn phải chăm lo cho những người nghèo để cho họ cũng có cơ hội được chữa trị.

Không chỉ những người có khả năng chi trả chi phí mới được mổ tại Bệnh viện Tim Tâm Đức mà nơi đây còn là địa chỉ tin cậy để các Tổ chức từ thiện, Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo các tỉnh, Thành trong cả nước tin tưởng gửi các cháu bị bệnh tim bẩm sinh đến phẫu thuật. Tổng số bệnh nhân được phẫu thuật tim do các tổ chức và cá nhân từ thiện tài trợ chi phí từ lúc Bệnh viện bắt đầu hoạt động đến 31.12.2019 là 6.270 trường hợp chiếm tỷ lệ 62% tổng số bệnh nhân được mổ (6.270/10.115), với tổng số tiền được tài trợ lên đến 380 tỷ đồng.



*Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Tp HCM đến thăm trẻ em nghèo mổ tim tại TÂM ĐỨC.*

Bệnh viện luôn coi trọng công tác đào tạo chuyên môn, giúp đỡ y tế tuyến trước, tổ chức các khoá học về điện tâm đồ; chẩn đoán và điều trị loạn nhịp tim; định kỳ cử các bác sĩ đứng đầu các Khoa về y tế cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long sinh hoạt chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm trong chẩn đoán và điều trị các bệnh về tim mạch.

## **2. PHÁT TRIỂN CƠ SỞ:**

Bệnh viện Tim Tâm Đức đã được xây dựng trên diện tích 10.000m<sup>2</sup> do UBND TP giao đất sử dụng trong 50 năm, khánh thành ngày 08/03/2006.

Ngày 03/02/2005, UBND TP giao thêm 5.000 m<sup>2</sup> ở khu vực phía sau liền kề.

Ngày 18/09/2009, Bệnh viện Tim Tâm Đức được phép xây dựng khu vực phía sau gồm 8 tầng, diện tích sàn xây dựng: 7.067m<sup>2</sup> để phát triển thêm 2 khu hồi sức nội và ngoại với 40 giường hồi sức; 2 phòng can thiệp tim mạch; 1 phòng khám số 2 có khả năng khám và điều trị ngoại trú cho 250 bệnh nhân/ngày và 3 Khoa điều trị mới với 80 giường.

Dự án đã được khởi công ngày 21/06/2010, hoàn thành vào cuối tháng 9/2011, hoạt động từ tháng 10.2011.

Đến nay, Tâm Đức có 2 khu khám ngoại trú, 245 giường nội trú, 6 Khoa điều trị nội và ngoại tim mạch, khu khám bệnh, điều trị và hồi sức đặc biệt, 2 phòng Thông tim can thiệp, 1 Phòng điện sinh lý tim, 3 phòng mổ, cấp cứu và 2 khoa Hồi sức tim mạch 1 phòng chụp X Quang cắt lớp (MSCT), 1 phòng nội soi tiêu hoá.

## **3. PHÁT TRIỂN VỐN ĐIỀU LỆ:**

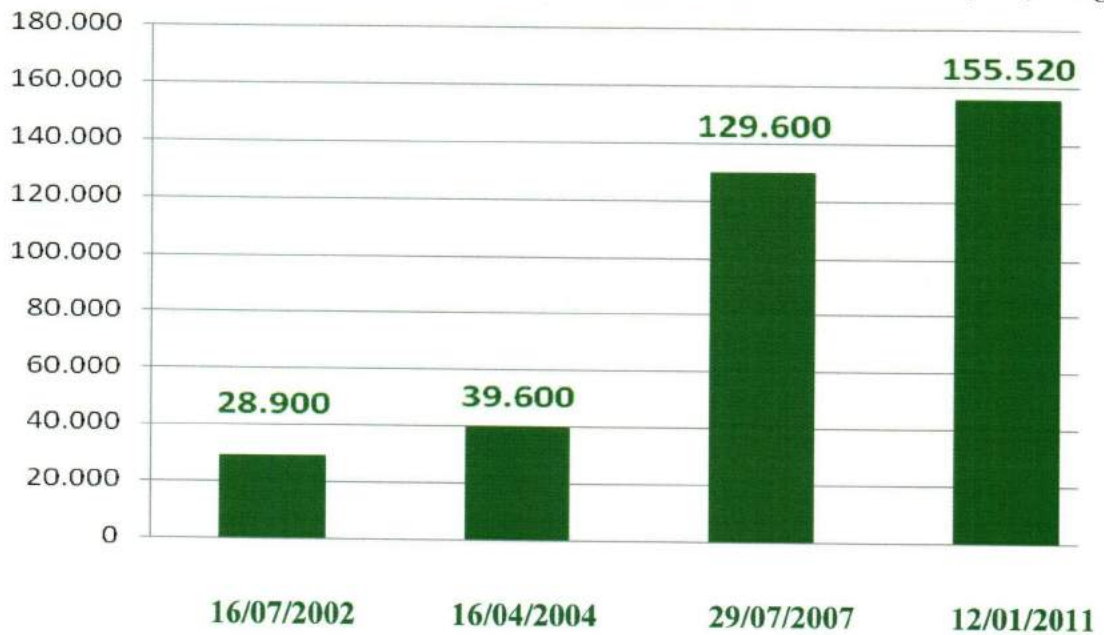
Công ty được thành lập ngày 16/07/2002 vốn điều lệ ban đầu là 28,9 tỷ đồng.

Đã có 2 đợt tăng vốn điều lệ trong các năm 2004 và 2007 theo các nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông.

Ngày 24/04/2010, Đại hội cổ đông thường niên đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 25,92 tỷ đồng từ các cổ đông hiện hữu. Ngày 12/01/2011, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu (theo Giấy chứng nhận chào bán số 733/UBCK-GCN ngày 16/11/2010 của UBCKNN), vốn điều lệ hiện nay là 155,52 tỷ đồng. Tổng số cổ đông đến ngày 31.12.2019 là 241, có 6 cổ đông tổ chức (2 Việt nam, 4 nước ngoài)

### BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG VỀ VỐN GÓP CỦA CỘNG ĐỒNG

Đơn vị : triệu đồng



*Phẫu thuật tim hở tại TÂM ĐỨC*

**Phần II**

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÂM ĐỨC NĂM 2019  
KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC NĂM 2020**

## A. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019.

### I. KẾT THÚC KẾ HOẠCH 2018, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH 2019

1. Báo cáo tài chính niên độ 2018 ngày 20.03.2019
2. Kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2018 do Công Ty Kiểm Toán AISC thực hiện ngày 20.03.2019, kết quả tốt
3. Ban kiểm soát làm việc với lãnh đạo Công Ty về kết quả hoạt động năm 2018 vào ngày 26.03.2019 nhất trí với kết quả hoạt động và việc thực hiện qui trình quản lý của Công Ty.
4. Đánh giá về sức khỏe tài chính của Công Ty do Thạc sỹ Phạm Anh Dũng, Thành viên Hội Đồng Quản Trị giám sát về tài chính và một chuyên gia tài chính độc lập đều cho thấy sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt.
5. Xây dựng kế hoạch 2019:

#### *Về chuyên môn:*

- Khám chữa bệnh và điều trị nội trú phần đầu đạt tăng trưởng 5% so với năm 2018.
- Thông tim can thiệp và Điện sinh lý tim có khả năng đạt trên 1.800 trường hợp.
- Về mổ tim: vì hiện nay số trung tâm mổ tim ở thành phố và cả nước cao hơn nhiều so với các năm trước đó. Do vậy, Tâm Đức xác định kế hoạch mổ tim của 2019 là mức 500, trong đó 60% là trẻ em nghèo cần tài trợ.

#### *Về nhân sự:*

- Chủ yếu sẽ chỉ là tuyển dụng thay thế nhân viên nghỉ việc và cho các hoạt động mới. Tiếp tục đào tạo trong nước và ngoài nước.
- Lương tối thiểu vùng tăng theo qui định nên lương và mức đóng BHXH cao hơn. Do đó, tổng quỹ lương sẽ phải tăng
- Tâm Đức bảo đảm thưởng cuối năm khi hoàn thành kế hoạch ít nhất là 2,5 tháng lương cơ bản.

#### *Về tài chính:*

Năm 2019 các chi phí đều cao hơn năm trước. Do đó, Tâm Đức phải đạt tăng trưởng về số lượng hoạt động và phải điều chỉnh giá ở mức độ người bệnh có thể chấp nhận được và luôn luôn tuân thủ quy định về tiết kiệm mới có thể đạt kết quả tài chính khả quan

### II. CHUẨN BỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2019

Hội Đồng Quản Trị đã họp phiên thứ 1 năm 2019 ngày 13.03.2019 để thông qua kết quả hoạt động 2018, kế hoạch 2019, và chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2019

Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị ngày 13.03.2019 đã thông qua đánh giá hoạt động năm 2018 và xác định kế hoạch năm 2019 về chuyên môn và về tài chính. *Về chuyên môn:* tăng 5% so với năm 2018. Riêng hoạt động phẫu thuật, cố gắng đạt trên 500 ca/năm, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim đạt trên 1.800 ca/năm. *Về tài chính:* đảm bảo tăng trưởng bền vững trên cơ sở tăng các hoạt động, điều chỉnh giá hợp lý, kịp thời và triệt để tiết kiệm chi tiêu nhằm đạt:

<i>Tổng doanh thu</i>	: 600 tỷ đồng.
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	: 77 tỷ đồng.
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	: 68 tỷ đồng.
<i>Cổ tức</i>	: 33%/mệnh giá.

### III. ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019 NGÀY 27.04.2019:

- Tổng số cổ đông chốt danh sách ngày 03.04.2019: 225
- Tổng số cổ đông tham dự đại hội: 127
- Tổng số cổ phần tham dự đại hội: 14.085.452 cổ phần, chiếm tỷ lệ 90,57 %
- Nghị quyết của Đại Hội Cổ Đông ngày 27.04.2019:

Đại hội biểu quyết thông qua Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông 27.04.2019:

1. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018, báo cáo kiểm toán niên độ 2018 (100%)
2. Thông qua báo cáo của ban kiểm soát năm 2018. (100%)
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức 2018 (100%)
4. Thông qua đề xuất uỷ quyền HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2018 (100%)
5. Thông qua kế hoạch Tâm Đức 2018 (100%)

Về nhân sự :

*Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 12 năm, chỉ tuyển dụng nhân sự thay thế nghỉ việc hoặc để phát triển kỹ thuật mới.*

Về chuyên môn :

*Các chỉ tiêu về khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tăng 5% so với 2017. Phẫu thuật tim đạt mức 500, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 1.800..*

Về tài chính :

Tổng doanh thu	550 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	72 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	64 tỷ đồng
Cổ tức	33%/mệnh giá

6. Thông qua kế hoạch trích quỹ 2019 (100%)
7. Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2018 (100%)
8. Thông qua kết quả bầu Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ VI 2019-2023 (100%)

### IV. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 27.04.2019:

Năm 2019, Hội Đồng Quản Trị đã họp 5 phiên như sau:

- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 27.04.2019 để bầu Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị NKVI.
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 09.05.2019 nhằm triển khai Nghị quyết Đại hội cổ đông 2019 ngày 27.04.2019, quyết định nhân sự quản lý và một số vấn đề quan trọng về quản trị bệnh viện. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 25.07.2019 nhằm đánh giá kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2019, chuẩn bị hoàn thành kế hoạch 2019. Tỷ lệ tham dự: 4/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 28.10.2019 nhằm đánh giá kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2019, dự đoán khả năng hoàn thành kế hoạch 2019 và quyết định tạm ứng cổ tức đợt 2.2019. Tỷ lệ tham dự: 5/5
- Hội Đồng Quản Trị NKVI đã họp ngày 10.03.2020 đánh giá kết quả hoạt động năm 2019 chuẩn bị tổ chức Đại Hội Cổ Đông 2020, cổ tức đợt 3.2019 sẽ chi sau Đại hội cổ đông 2020 ngày 25.04.2020

### *Cổ tức từ 2011-2019:*

Năm 2011: cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 20.08.2011; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 10.01.2012; đợt 3: 6% ngày 10.05.2012.

Năm 2012 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 28.08.2012; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 28.12.2012; đợt 3: 6% ngày 11.05.2013.

Năm 2013 : cổ tức cả năm là 26%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 22.08.2013; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 14.01.2014; đợt 3: 6% chỉ vào ngày 12.05.2014.

Năm 2014 : cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 15.08.2014; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 20.01.2015; đợt 3: 10% chỉ vào ngày 22.05.2015.

Năm 2015: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng đợt 1: 10% ngày 18.08.2015; tạm ứng đợt 2: 10% ngày 21.12.2015; đợt 3: 10% chỉ vào ngày 20.05.2016.

Năm 2016: cổ tức cả năm là 30%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1: 10% mệnh giá vào ngày 15.08.2016, tạm ứng cổ tức đợt 2: là 10%/ mệnh giá vào ngày 12.12.2016 đợt 3: 10%/mệnh giá chỉ vào ngày 29.05.2017.

Năm 2017: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 10%/mệnh giá vào ngày 16.08.2017, cổ tức đợt 2 là 10%/mệnh giá vào ngày 19.01.2018. đợt 3: 13%/mệnh giá chỉ vào ngày 23.05.2018

Năm 2018: cổ tức cả năm là 33%/mệnh giá. Tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 08.08.2018, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.01.2019, đợt 3 là 11%/mệnh giá vào ngày 24.05.2020

Năm 2019: Mức cổ tức 2019 dự kiến chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 27.04.2019 là 33%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.08.2019, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.11.2019. Mức cổ tức còn lại dự kiến là 11%/mệnh giá sẽ thực hiện sau khi thông qua Đại hội cổ đông 25.04.2020.

## **V. VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Theo Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06.10.2015 về công bố thông tin của Ủy Ban Chứng Khoán, Tâm Đức đã công bố theo qui định trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện, công thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng Khoán và gửi Ủy Ban Chứng Khoán, công thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và gửi Sở Giao dịch Chứng khoán.

Ngày 11.03.2020, Tâm Đức đã thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Cổ Đông ngày 25.04.2020.





*Bệnh viện Tim Tâm Đức, khu vực mới xây dựng 2012*

## **B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**

### **1. VỀ TỔ CHỨC NHÂN SỰ :**

#### **1.1. CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp năm 2000, lần lượt được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2005, và Luật Doanh nghiệp năm 2014, các Luật khác có liên quan và Điều lệ của công ty. Hiện nay Công ty cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức có:

**Bệnh viện Tim Tâm Đức** số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh.

**Phòng khám Đa khoa Tâm Đức** số 81-83 Thành Thái, P.14, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

**Phòng khám Đa khoa Phúc Đức** số 04 Nguyễn Lương Bằng, P.Tân Phú, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh.

#### **1.2. NHÂN SỰ**

##### **1.2.1 NHÂN SỰ LÃNH ĐẠO:**

##### **1. SÁNG LẬP. CỐ VẤN TÂM ĐỨC:**

1. TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu
2. PGS.TS.BS. Phạm Nguyễn Vinh
3. ThS.BS. Phan Kim Phương

##### **2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

- |    |                            |            |
|----|----------------------------|------------|
| 1. | TS. BS. Nguyễn Ngọc Chiêu  | Chủ tịch   |
| 2. | TS.BS. Chu Trọng Hiệp      | Thành viên |
| 3. | ThS. Phạm Anh Dũng         | Thành viên |
| 4. | BS. CKI. Phạm Bích Xuân    | Thành viên |
| 5. | DS. CKII. Thân Thị Thu Vân | Thành viên |

##### **3. BAN GIÁM ĐỐC**

- |    |                        |                         |
|----|------------------------|-------------------------|
| 1. | ThS. Đỗ Kim Thủy       | Tổng Giám Đốc           |
| 2. | TS. BS. Tôn Thất Minh  | Giám Đốc Bệnh viện      |
| 3. | TS.BS. Chu Trọng Hiệp  | Giám Đốc Ngoại tim mạch |
| 4. | BS. Đinh Đức Huy       | Giám Đốc Nội tim mạch   |
| 5. | BS. Phạm Bích Xuân     | Giám Đốc Đối Ngoại      |
| 6. | CN. Phan Thị Thanh Nga | Giám Đốc Tài Chính      |

7. PGS.TS.BS. Nguyễn Thị Bích Đào Phó Giám Đốc phụ trách Nội tiết-chuyên hoá  
 8. ThS.BS. Nguyễn Huỳnh Khương Phó Giám Đốc – Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu  
 9. CN. Nguyễn Ngọc An Khôi Phó Giám Đốc Quản lý Chất lượng Bệnh viện  
 10. CN. Trương Thị Mai Lan Phó Giám Đốc Hành chánh  
 11. CN. Trần Thị Thanh Nhân Phó Giám Đốc Quản trị và Tổ chức nhân sự Bệnh viện  
 12. BS. CKII Ngô Phương Thúy Giám đốc Phòng khám đa khoa Tâm Đức  
 13. BS. CKII. Lâm Mỹ Dung Giám đốc Phòng khám đa khoa Phúc Đức  
 14. CN. Võ Thiệt Tân Kế toán Trưởng

#### 4. BAN KIỂM SOÁT

1. CN. Vương Thị Quỳnh Anh Trưởng Ban  
 2. Bà. Bùi Thúy Kiều Thành viên  
 3. Bs. Nguyễn Nhị Phương Thành viên

#### 1.2.2. NHÂN SỰ:

Tổng số nhân viên tại thời điểm tháng 12.2019 là: 592 người, thành phần như sau:

Stt	Chức danh	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	Tỷ lệ %
1	Phó Giáo sư	1	1	1	2	2	2	2	2	2	0,34
2	Tiến sĩ	2	2	2	2	3	3	3	3	3	0,51
3	Thạc sĩ y khoa	6	8	12	13	14	17	17	20	21	3,55
4	Chuyên khoa I	16	15	16	16	22	21	20	19	29	4,90
5	Chuyên khoa II				2	4	4	6	9	9	1,52
6	Bác sĩ	68	66	64	64	58	54	50	46	33	5,57
7	Thạc sĩ dược khoa								1	1	0,17
8	Dược sĩ	5	4	4	4	4	5	5	5	5	0,84
9	Dược cao đẳng									1	0,17
10	Dược trung cấp	16	17	18	18	20	20	20	21	21	3,55
11	Dược tá	3	3	2	2	2	2	2	2	1	0,17
12	Điều dưỡng	205	206	201	201	213	209	216	237	234	39,53
13	KTV	32	32	30	31	33	35	35	36	37	6,25
14	Trợ thủ nha	3	3	3	3	3	3	3	3	3	0,51
15	Y công	63	67	61	61	62	63	60	69	75	12,67
16	Thạc sĩ khác							1	1	2	0,34
17	Đại học khác	31	32	28	25	27	35	36	36	38	6,42
18	Cao đẳng	9	10	10	8	8	8	7	9	9	1,52
19	Trung cấp	19	18	19	20	20	18	17	20	17	2,87
20	Khác	57	61	58	53	54	54	58	53	51	8,61
	<b>Tổng số</b>	<b>536</b>	<b>545</b>	<b>529</b>	<b>525</b>	<b>549</b>	<b>553</b>	<b>558</b>	<b>592</b>	<b>592</b>	<b>100</b>

Tổng số nhân viên năm 2019 là 592. Tổng số bác sĩ: 97, 66% là bác sĩ sau đại học (66%/54% của 2018). Tổng số điều dưỡng và kỹ thuật viên: 271. 30% là thạc sĩ, cử nhân và cao đẳng (30%/19% của

2018). Tỷ lệ điều dưỡng/bác sĩ là 2,84 (271/97=2,84). Trong tình hình có thêm nhiều bệnh viện mới, nguy cơ Tâm Đức mất nhân sự có trình độ là luôn phải cần trọng.

### 1.3. BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ BẢO HIỂM Y TẾ CHO NHÂN VIÊN :

Đến 31/12/2019, 570 nhân viên được đóng BHXH

Tổng số tiền trích nộp BHXH, BHYT, BHTN từ 01/01/2019 đến 31/12/2019 là 11.809.412.445 đồng (Trong đó Công ty đóng 7.934.448.986 đồng (67,40%), người lao động đóng 3.874.963.458 đồng (32,60%))

### 1.4. LƯƠNG THUỞNG :

Đơn vị tính: đồng

Năm	Tổng quỹ lương	Tổng chi phí	Tỷ lệ %
2015	90.578.564.688	385.658.363.692	23,4%
2016	96.397.450.849	417.499.744.788	23,1%
2017	114.955.958.436	474.443.648.318	24,2%
2018	126.137.241.478	509.763.277.451	24,7%
2019	<b>144.670.838.533</b>	<b>576.901.449.490</b>	<b>25,0%</b>

Tổng quỹ lương năm 2019 là 144,7 tỷ. Tổng quỹ lương tăng do tăng nhân sự cho hoạt động chuyên môn (ở Khu Khám Điều trị và Sản sọc Đặc biệt, Khoa Phòng chống nhiễm khuẩn, Phòng Nội soi tiêu hóa và Phòng Đo lường xương), tăng lương định kỳ và tăng lương cơ bản tối thiểu vùng theo qui định của nhà nước.

## 2. VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

### 2.1. KHU KHÁM BỆNH VÀ ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ CỦA BỆNH VIỆN

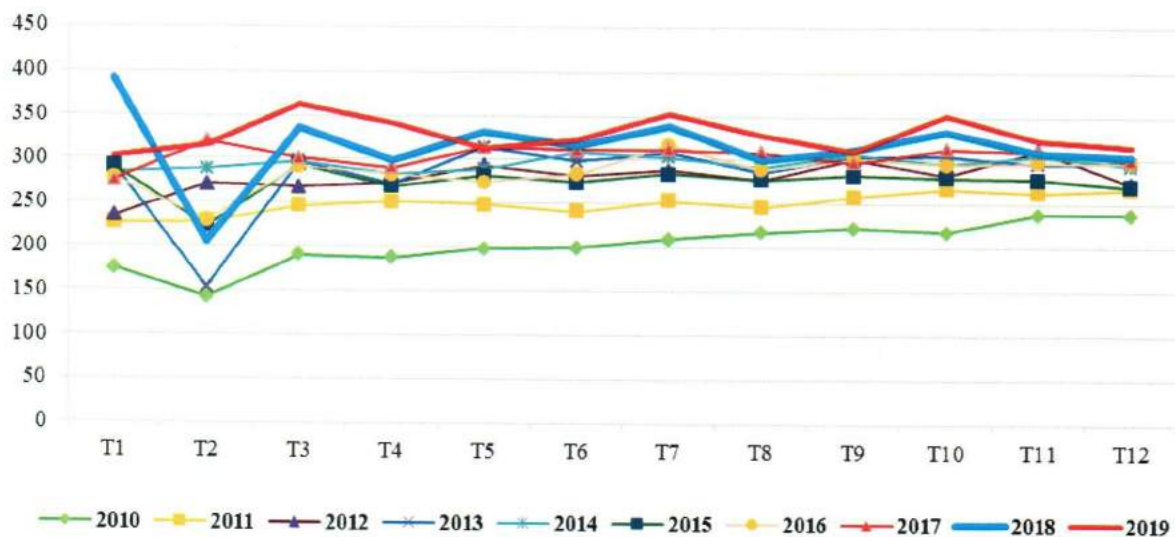
	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Khám tim	68,857	77429	82,470	82,076	76,459	79,095	83,328	86,808	<b>91.025</b>
Khám chuyên gia theo yêu cầu	25,695	29515	32,566	31,828	29,816	31,246	32,712	38,803	<b>38.615</b>
Khám thường quy	41,623	46930	48,642	50,248	46,643	47,849	50,616	48,005	<b>47.420</b>
Khám khu VIP									<b>4.990</b>
Hội chẩn ngoại	1,025	1061	721	530	540	356	494	431	<b>347</b>
Hội chẩn nội	741	932	701	709	741	667	419	426	<b>305</b>
Khám RHM	3,514	3484	2,831	2,494	1,734	1,509	1,402	1,538	<b>1.733</b>
Khám TMH	2,331	2598	2,439	2,357	2,477	2,494	2,327	2,161	<b>1.791</b>
Khám mắt	2,442	2557	2,440	2,282	2,315	2,040	1,430	1,260	<b>1.188</b>
Khám phụ khoa	550	493	500	529	736	608	516	498	-
Khám nội thận				19	0		-	-	-
Khám nội thần kinh				65	7		-	-	-
Khám nội tiết				192	942	995	1,201	1,269	<b>1.495</b>
Khám nam khoa						66	39	6	<b>4</b>
Nội tổng quát					647	2,987	2,816	1,776	<b>1.537</b>
Khám nhi					124	505	434	301	<b>212</b>
Khám sức khoẻ tổng quát					473	844	672	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>78,961</b>	<b>88,554</b>	<b>92,102</b>	<b>91,253</b>	<b>87,195</b>	<b>92,166</b>	<b>95,078</b>	<b>96,474</b>	<b>104.627</b>

Khám bệnh năm 2019 tăng 8,4% (104.627/96.474) so với 2018 trong đó khám tim tăng 4,8% (91.025/86.808).

Mỗi ngày bình quân có trên 328 người bệnh đến khám. Ngày cao nhất là 475 người. Bệnh mới: 17% ; Bệnh nhân tái khám: 83%.

Năm 2019 tổng số bệnh nhân đến cấp cứu tăng 13% (4.357/3.850) so với cùng kỳ 2018. Nhiều nhất là bệnh mạch vành.

Biểu đồ 01: Số lượt bệnh nhân khám bình quân/ngày từ 2010 đến 2019



## 2.2. ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ:

### a. Bệnh nhân nhập viện:

	2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
TPHCM	2.099	41	2.182	44	2.176	45	2.458	46	2.617	48	2.854	52	2.545	51
Tỉnh phía Nam	2.470	48	2.142	44	2.048	42	2.285	42	2.319	42	2.139	39	2.770	40
Tỉnh miền Trung	326	6	336	7	336	7	339	6	309	6	319	6	349	6
Tỉnh phía Bắc	30	1	25	1	266	5	32	1	22	0	16	0	32	0
Nước ngoài	244	4	230	4	20	1	278	5	218	4	187	3	224	3
<b>Cộng</b>	<b>5.169</b>	<b>100</b>	<b>4.915</b>	<b>100</b>	<b>4.846</b>	<b>100</b>	<b>5.392</b>	<b>100</b>	<b>5.485</b>	<b>100</b>	<b>5.515</b>	<b>100</b>	<b>5.920</b>	<b>100</b>

Năm 2019 tăng 7,3% so với 2018 (5.920/5.515)

Bệnh nhân của Tâm Đức chủ yếu ở Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Bệnh nhân là người nước ngoài nhiều quốc tịch đã khám ở Tâm Đức tăng dần qua các năm. 2018: 1.459; năm 2019: 2.671 (tăng 83% so với 2018) bao gồm Anh, Campuchia, Đức, Ấn độ, Ý, Nhật, Hàn quốc, Mỹ, New Zealand, Philippine, Đài loan, Trung quốc, Canada, Lào, Tây ban nha, Sri Lanka, Nga, Ả rập, trong đó bệnh nhân là người Campuchia chiếm 58% (1.553/2.671). Bệnh nhân là người nước ngoài đến điều trị nội trú 224 trường hợp, chiếm 3% bệnh nhân nội trú của Tâm Đức, bao gồm Úc, Campuchia, Nhật, Hàn quốc, New Zealand, Pháp, Nga, Canada, Trung quốc, Lào, Mỹ trong đó bệnh nhân là người Campuchia chiếm 60% (134/224); 57% trong số bệnh nhân nội trú được thông tim can thiệp hoặc phẫu thuật tim (128/224).

Khu Khám Điều trị Đặc biệt và Sản sóc Đặc biệt đã được thành lập tháng 10.2018 nhằm đáp ứng yêu cầu của những người bệnh muốn được khám, điều trị và chăm sóc chất lượng cao đã có kết quả rất tốt nâng cao uy tín của Tâm Đức đặc biệt là người Việt nam ở nước ngoài và bệnh nhân người nước ngoài.

b. Tổng số ngày nằm viện

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng số ngày nằm viện	39.600	45.101	41.163	39.579	39.460	41.002	45.121	43.359	44.570

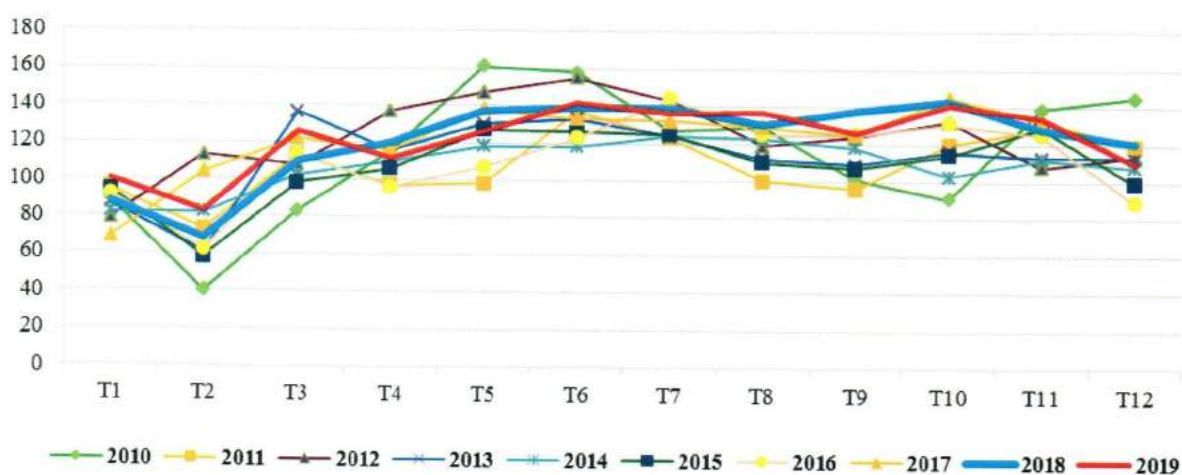
Tổng số ngày nằm viện năm 2019 tăng 2,8% so với năm 2018 (44.570/43.359)

c. Số ngày điều trị trung bình

Khoa	Số ngày điều trị trung bình									
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Nội tim mạch 1	5	5	5,3	5,2	5,2	5,9	5,3	4,9	4,85	5,08
Điều trị đặc biệt										4,56
Nội tim mạch 2	3,5	4,5	4,6	4,7	4,7	4,7	3,3	6,73	3,58	3,79
Nội tim mạch 3	4	5,4	6	5,9	6	6,5	6,5	6,93	4,89	5,3
Nội tim mạch 4		5,6	6,4	6,1	6,8	7,2	7,2	7,75	5,21	6,39
Nội tim mạch 5		4,9	5,4	5	5	5,6	6,5	10,34	6,13	6,95
Nội tim mạch - mạch máu		4,8	5	5	5,1	4,7	4,5	5,31	3,94	4,27
Nội tim mạch trẻ em						5,4	6,5	6,4		
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	3,6	3,9	3,8	3,97	4,1	3,62	3,9	5,7	5,14	6,74
Cấp cứu								4,7	3,54	3,95
Ngoại tim mạch	7,2	6,5	6,7	6,1	6,7	6,5	6,7	15,94	5,9	11,33
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	2,2	2,4	2,4	2,66	3,4	3,62	3	4,02	3,02	3,72

Số ngày điều trị trung bình ổn định qua các năm. Số ngày điều trị trung bình của Khối nội từ 5-7 ngày, Ngoại tim mạch là 11 ngày do bệnh lý phức tạp, Hồi sức ngoại là 3 ngày.

Biểu đồ 02: Số bệnh nhân nằm viện bình quân/ngày từ 2010 đến 2019



d. Tỷ lệ sử dụng giường bệnh

Khoa	Tỷ lệ sử dụng giường (%)									
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Nội tim mạch 1	80	74	44	43	43	40	44	35	37	44
Điều trị đặc biệt										53
Nội tim mạch 2	40	65	55	52	52	43	36	50	44	39
Nội tim mạch 3	32	54	33	29	28	34	39	41	42	44
Nội tim mạch 4		38	43	41	42	44	45	51	46	50
Nội tim mạch 5		24	28	30	32	40	57	66	45	51

Nội tim mạch - mạch máu	54	43	48	40	38	42	40	44	42
Nội tim mạch trẻ em					16	40	25		
Hồi sức cấp cứu nội tim mạch	71	60	65	60	57	56	96	72	61
Cấp cứu							80	66	45
Ngoại tim mạch	62	52	53	39	34	35	59	70	57
Hồi sức cấp cứu ngoại tim mạch	53	54	57	63	64	52	46	59	61

Tỷ lệ sử dụng giường bệnh *tăng so với 2018*. Bình quân mỗi ngày có khoảng 123 bệnh nhân nằm viện. Dù vậy, tỷ lệ sử dụng giường vẫn chưa vượt quá 60%

### 2.3 THÔNG TIN CAN THIỆP :

Năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
<b>1 Mạch vành</b>	<b>971</b>	<b>854</b>	<b>1.039</b>	<b>1.231</b>	<b>1.293</b>	<b>1.427</b>	<b>1.442</b>	<b>1.554</b>
Chụp mạch vành	606	559	721	858	863	938	944	1007
Chụp và nong mạch vành	289	220	80					0
Nong mạch vành	76	75	238	373	430	489	498	547
<b>2. Mạch máu</b>	<b>160</b>	<b>133</b>	<b>78</b>	<b>80</b>	<b>63</b>	<b>72</b>	<b>84</b>	<b>107</b>
Chụp chẩn đoán m/ạch máu ngoại biên	25	14	6	11	13	11	11	25
Can thiệp mạch máu ngoại biên	1	11	11	17	2	5	3	14
Can thiệp mạch máu tim bẩm sinh					4	0	1	3
Nong động mạch thận	3	1	0	0	1	1	1	0
IVUS	116	92	52	41	31	40	52	49
Can thiệp động mạch cảnh	15	4	3	3	2	5	8	3
Can thiệp động mạch chủ, bụng, ngực		6	6	4	6	7	3	9
Can thiệp động mạch chậu/dưới đòn/đùi		5	0	4	4	3	5	4
<b>3. Nong van 2 lá bằng bóng</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>0</b>
<b>4. Nong van 2 lá bằng mitral clip</b>				<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>5. Thay van động mạch chủ qua da</b>				<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
<b>6. Tim bẩm sinh</b>	<b>140</b>	<b>180</b>	<b>188</b>	<b>170</b>	<b>171</b>	<b>132</b>	<b>142</b>	<b>143</b>
Đóng ống động mạch	22	19	27	26	27	12	19	11
Đóng thông liên nhĩ	30	63	39	32	44	44	34	42
Chụp mmáu tbs	32	38	54	41	34	2	3	1
Đo kháng lực mạch máu phổi	28	30	35	43	34	36	5	1
Nong van động mạch phổi bằng bóng	5	11	5	4	5	4	4	11
Đo kháng lực mmáu phổi + chụp mm	7	3	7	10	9	28	68	61
Đo FFR	16	14	17	11	11	4	6	5
Đốt vách liên thất bằng cồn		2	4	3	1	1	1	6
Dò động mạch vành					4	1	0	0
Đặt stent động mạch phổi					2	0	1	1
Khoan tổn thương vô hóa (ROTA)							1	4
<b>Tổng cộng (1+2+3+4)</b>	<b>1.277</b>	<b>1.173</b>	<b>1.311</b>	<b>1.489</b>	<b>1.534</b>	<b>1.638</b>	<b>1.677</b>	<b>1.804</b>

Năm 2019, thông tin can thiệp *tăng 7,6%* so với năm 2018 (1.804/1.677)

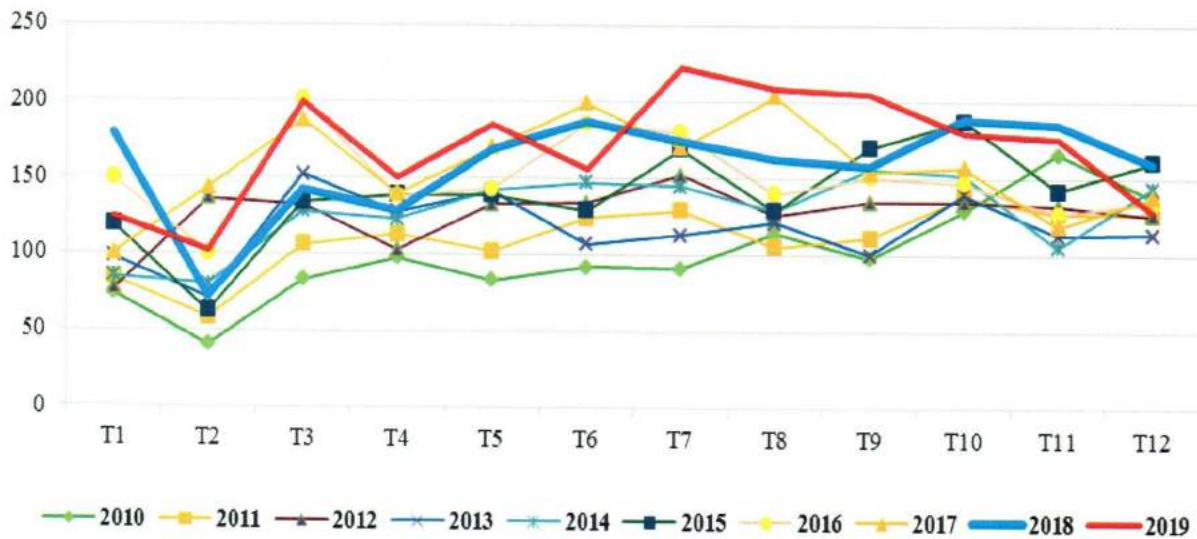
Thông tin can thiệp ổn định, đạt kết quả tốt, cứu sống được nhiều người bệnh trong 6 giờ vàng và *đã phát triển thêm các kỹ thuật mới* như đặt stent graft can thiệp động mạch chủ bụng, đặt stent động mạch phổi, khoan tổn thương vô hóa.

## 2.4 ĐẶT MÁY TẠO NHỊP – KHẢO SÁT ĐIỆN SINH LÝ TIM

	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Đặt máy tạo nhịp tạm thời	6	10	5	4	7	12	16	9
Đặt máy tạo nhịp vĩnh viễn	50	46	51	34	40	62	63	67
Đặt máy ICD	10	5	16	11	22	36	19	26
Thay dây máy tạo nhịp	3	4	5	0	1	2	16	5
Khảo sát điện sinh lý	31	26	26	15	21	36	38	42
Khảo sát cắt đốt DSL	144	134	118	106	148	77	45	65
Thay máy PM			4	8	7	1	11	2
Cắt đốt bằng mapping 3D				14	17	18	21	20
<b>Tổng cộng</b>	<b>244</b>	<b>225</b>	<b>225</b>	<b>192</b>	<b>263</b>	<b>244</b>	<b>229</b>	<b>236</b>

Năm 2019 tương đương so với 2018 (236/229). Kỹ thuật mới cắt đốt bằng mapping 3D thành công tốt đẹp đến nay được 90 trường hợp.

Biểu đồ 04: Số ca thông tim can thiệp và điện sinh lý tim hàng tháng từ 2010 đến 2019



## 2.5 PHẪU THUẬT

### PHÂN LOẠI PHẪU THUẬT

	2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
CF (mỏ tim kín)	86	11	39	6	43	6	32	7	29	6	15	3	26	5
CO (mỏ tim hở)														
I	119	15	74	11	100	16	96	20	93	18	57	12	73	15
II	145	19	123	19	100	16	60	13	74	15	73	16	60	12
III	164	21	144	22	143	22	100	21	78	15	95	20	80	17
IV	220	29	207	32	186	29	101	21	85	17	96	21	91	20
V	16	2	43	7	49	8	79	16	55	11	61	13	88	18
Đặc biệt														
MM (mạch máu)														
I	3	0,5	7	1	3	0,5	3	1	8	2	7	1	0	
II	9	1	2	0,3	6	1	5	1	7	1	3	1	9	
III	8	1	1	0,2	3	0,5	1				1	0	0	
IV	1	0,1	4	1	5	0,8	3	0	1		1	0	0	
PO (bắc cầu)														
POI-2									16	3	7	1	11	2

PO3										27	5	32	7	25	5
PO4										28	5	20	5	28	6
PO5										8	2		0	0	0
<b>Tổng số</b>	<b>771</b>	<b>100</b>	<b>644</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100</b>	<b>480</b>	<b>100</b>	<b>509</b>	<b>100</b>	<b>468</b>	<b>100</b>	<b>491</b>	<b>100</b>	

## PHÂN LOẠI BỆNH LÝ

	2013		2014		2015		2016		2017		2018		2019	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Bẩm sinh	524	68	419	66	418	66	312	65	307	60	283	60	291	59
Van tim	122	16	111	17	105	16	91	19	94	18	103	22	117	24
Bắc cầu	93	12	87	13	89	14	58	12	79	16	61	13	63	13
Khác	9	1	12	2	8	1	7	1	13	3	12	3	9	2
Mạch máu	23	3	15	2	18	3	12	3	16	3	9	2	11	2
<b>Tổng số</b>	<b>771</b>	<b>100</b>	<b>644</b>	<b>100</b>	<b>638</b>	<b>100</b>	<b>480</b>	<b>100</b>	<b>509</b>	<b>100</b>	<b>468</b>	<b>100</b>	<b>491</b>	<b>100</b>

Hiện nay, cả nước có gần 40 trung tâm có thể phẫu thuật tim, nhiều hơn rất nhiều so với 5 năm trước. Do đó, số ca mổ tim ở Tâm Đức đã giảm nhiều so với những năm trước.

Bệnh Viện Tim Tâm Đức vẫn là 1 trong 10 bệnh viện mổ tim nhiều nhất và là bệnh viện chuyên khoa tim ngoài công lập mổ tim nhiều nhất.

Năm 2019 dự kiến trẻ em mắc bệnh tim cần mổ ở các địa phương cũng sẽ có nhiều lựa chọn bệnh viện để được mổ. Tâm Đức đã tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ giữa địa phương và các nhà tài trợ. Tâm Đức đã đến các tỉnh Cà Mau, Đồng Tháp, Vũng Tàu, Bạc Liêu, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bến Tre, Kiên Giang, Bình Phước, Sóc Trăng, Bình Thuận, Trà Vinh, Tiền Giang khám 12.312 trẻ (2018: 9.108), trong đó 289 trẻ có chỉ định phẫu thuật. Năm 2019 Tâm Đức đã mổ được 303 em, chiếm 62% tổng số ca phẫu thuật năm 2019 (303/491), tổng số tiền giúp đỡ của các tổ chức trong nước, ngoài nước và cá nhân tài trợ là 21.741.360.838 đồng.

Tổng số ca mổ năm 2019 là 491, tăng 5% so với 2018 (491/468).

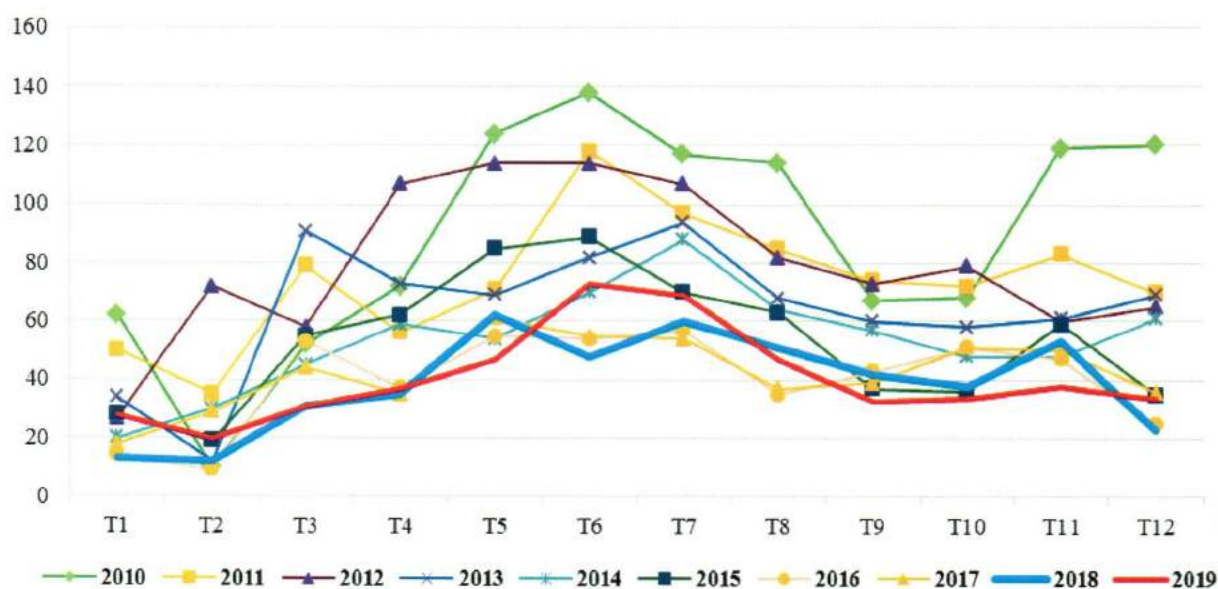
Tim bẩm sinh vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất 59%, 24% van tim và 13% bắc cầu

Tâm Đức đã phát triển các kỹ thuật mới, phẫu thuật ít xâm lấn vào tháng 04.2019 được 22 ca; kỹ thuật gây tê mặt phẳng cơ dựng sống vào tháng 09.2019 được 15 ca. Kỹ thuật phẫu thuật ít xâm lấn giúp thời gian nằm viện ngắn, ít đau đớn, thẩm mỹ, giảm nhiễm trùng xương ức. Kỹ thuật gây tê mặt phẳng cơ dựng sống giúp giảm liều thuốc giảm đau nhóm morphine trong và sau mổ, giảm các tác dụng phụ của nhóm morphine gây ra, đồng thời giúp bệnh nhân giảm đau sau mổ tốt hơn, giảm thời gian nằm hồi sức.





Biểu đồ 03: Số ca phẫu thuật hàng tháng từ 2010 đến 2019



## 2.6. CẬN LÂM SÀNG.

	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Xét nghiệm	616.010	638.181	638.295	654.898	699.579	707.601	761.570
X-Quang	20.103	19.392	19.405	20.211	21.071	22.016	23.215
ECG	23.290	26.143	26.687	26.930	27.044	29.574	37.380
ECG Gắng sức	4.377	4.433	4.184	4.094	4.809	4.686	4.688
Siêu âm tim	30.149	31.532	32.133	31.718	30.427	34.501	36.270
Siêu âm bụng	2.350	2.812	3.816	4.713	6.057	6.240	7.769
Siêu âm tim thai	304	233	264	239	276	307	241
Siêu âm mạch máu	7.163	7.014	8.120	9.095	9.600	11.736	12.151
Siêu âm Dobutamine	2.195	2.130	1.975	1.815	1.774	1.788	1.525
Siêu âm thực quản	216	211	253	237	237	261	309
Holter ECG	1.710	1.459	1.927	2.053	2.259	2.293	2.479
Holter HA	529	528	400	337	524	370	458
Đo nhãn áp	2.183	2.086	1.957	1.814	1.671	1.735	2.257
KT máy tạo nhịp	426	487	520	527	581	638	831
Tilt test	143	137	129	143	112	116	132
Đo INR	2.217	2.179	1.638	1.429	1.397	1.271	1.201
Chích ngừa	273	239	162	187	-	-	-
Chụp võng mạc	2.287	2.075	1.850	1.674	1.195	1.006	985
Kích thích nhĩ	237	208	158	148	124	119	11
PAP's	415	439	582	566	504	397	-
Siêu âm tuyến vú	153	160	387	492	421	358	327
Siêu âm tuyến giáp	181	162	692	1.407	1.033	1.032	1.262
Chích ngừa K-CTC	3	-	-	-	-	-	-
Đo phế dung ký	124	220	79	67	26	2	21
Đo vận tốc sóng mạch	2.324	2.183	2.442	2.240	1.563	2.080	2.027
Siêu âm phần mềm			4	13	13	1	-
Nội soi tai mũi họng			119	362	357	198	48
Nội soi cổ tử cung				5	-	-	-
Chụp CT				1.085	2.867	3.061	3.704
Vaxigrip					11	-	-
Mật độ xương						372	745
Nội soi tiêu hóa						78	918
<b>Tổng cộng</b>	<b>719.362</b>	<b>744.643</b>	<b>748.055</b>	<b>768.499</b>	<b>815.532</b>	<b>833.387</b>	<b>902.524</b>

Hoạt động cận lâm sàng năm 2019 cao hơn 8,3% so với năm 2018 (902.524/833.387).

## 2.7 PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TÂM ĐỨC (81-83 THÀNH THÁI, QUẬN 10)

	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
<b>Khám bệnh</b>	<b>26.058</b>	<b>25.656</b>	<b>24.885</b>	<b>24.269</b>	<b>24.390</b>	<b>25.530</b>	<b>22.524</b>
Khám tim	17623	17963	15.902	14.706	14.258	14,963	<b>15.056</b>
Tai Mũi Họng	2804	2561	3.014	3.535	3.829	3,855	<b>3.035</b>
Răng Hàm Mặt	5631	5132	5.969	6.028	6.303	6,712	<b>4.433</b>
<b>Cận lâm sàng</b>							
ECG gắng sức	2492	2495	2.303	2.118	2.082	2,247	<b>2.264</b>
Điện tâm đồ	7503	7181	6.894	6.263	6.083	6,252	<b>6.054</b>
Holter ECG	540	383	393	323	250	300	<b>330</b>
Holter HA	136	90	144	87	102	118	<b>109</b>
Siêu âm bụng	1364	1563	1.509	1.176	960	1,333	<b>1.453</b>
Siêu âm mạch máu	3069	3440	4.015	3.691	3.427	3,507	<b>3.477</b>
Siêu âm tim	7777	7426	7.157	6.569	6.314	6,617	<b>6.441</b>
Siêu âm tuyến vú	4	4	4	0	4	7	<b>3</b>
Siêu âm tuyến giáp	72	89	124	179	94	198	<b>206</b>
X-quang	4546	3706	3.047	2.725	2.653	3,207	<b>2.490</b>
Xét nghiệm: SH-HH	9504	9760	8.893	8.355	8.231	70,368	<b>73.377</b>
Đo nhãn áp		136	85	95	67	71	<b>30</b>
INR	938	1083	882	762	577	794	<b>757</b>

Tổng số khám năm 2019 giảm 12% so với năm 2018 (22.524/25.530) do giảm các hoạt động khám răng hàm mặt và tai mũi họng. Khám và điều trị các bệnh tim mạch tương đương năm 2018 (15.056/14.963)



Phòng Khám đa khoa Tâm Đức 81-83 Thành Thái, Quận 10



*Phòng Khám đa khoa Phúc Đức 04 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7*

### 3. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

#### 3.1 Kế hoạch 2019:

Tổng doanh thu	: 600 tỷ đồng.
Lợi nhuận trước thuế	: 77 tỷ đồng.
Lợi nhuận sau thuế	: 68 tỷ đồng.
Cổ tức	: 33%/mệnh giá.

#### 3.2 Kết quả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2019	So sánh	
				(+/-)	%
<b>1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>581.626.757.835</b>	<b>660.649.493.592</b>	<b>79.022.735.757</b>	<b>13,6%</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ [10=(01-02)]</b>	<b>10</b>	<b>581.626.757.835</b>	<b>660.649.493.592</b>	<b>79.022.735.757</b>	<b>13,6%</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>446.575.600.515</b>	<b>509.408.587.383</b>	<b>62.832.986.868</b>	<b>14,0%</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ [20=(10-11)]</b>	<b>20</b>	<b>135.051.157.320</b>	<b>151.240.906.209</b>	<b>16.189.748.889</b>	<b>11,9%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.170.837.490	803.103.527	(367.733.963)	-31,4%
7. Chi phí tài chính	22	-	9.843.977	9.843.977	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-	
8. Chi phí bán hàng	24	12.908.186.933	13.700.557.115	792.370.182	6,1%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	49.680.075.764	53.190.283.073	3.510.207.309	7,0%
<b>10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh [30 = 20+(21-22-24-25)]</b>	<b>30</b>	<b>73.633.732.113</b>	<b>85.143.325.571</b>	<b>11.509.593.458</b>	<b>15,6%</b>
11. Thu nhập khác	31	1.898.707.234	2.050.724.014	152.016.780	8,0%
12. Chi phí khác	32	596.914.239	592.177.942	(4.736.297)	-0,8%
<b>13. Lợi nhuận khác [40 = (31 - 32)]</b>	<b>40</b>	<b>1.301.792.995</b>	<b>1.458.546.072</b>	<b>156.753.077</b>	<b>12,0%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50=(30+40)]</b>	<b>50</b>	<b>74.935.525.108</b>	<b>86.601.871.643</b>	<b>11.666.346.535</b>	<b>15,6%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	8.324.082.707	9.621.081.233	1.296.998.526	15,6%
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp [60 = (50 - 51)]</b>	<b>60</b>	<b>66.611.442.401</b>	<b>76.980.790.410</b>	<b>10.369.348.009</b>	<b>15,6%</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)</b>	<b>70</b>	<b>4.020</b>	<b>4.637</b>	<b>617</b>	<b>15,3%</b>
<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)</b>	<b>71</b>	<b>4.020</b>	<b>4.637</b>	<b>617</b>	<b>15,3%</b>

Tổng Doanh thu **663.503.321.133đ** (Mã số 10+21+31) tăng 13,48% so với năm 2018 (663 tỷ/ 584 tỷ), vượt 10,5% kế hoạch 2019 (663 tỷ/ 600 tỷ).

Tổng chi phí **576.901.449.490đ** (Mã số 11 + 22 + 24 + 25 + 32) tăng 13,17% so với năm 2018 (576 tỷ/ 509 tỷ). Giá vốn hàng bán là 509.408.587.383đ (Mã số 11: bao gồm chi phí thuốc, vật tư y tế, lương bác sỹ, điều dưỡng...) là chi phí trực tiếp, là phần quan trọng nhất chiếm tỷ trọng 88,3% trong tổng chi phí. Chi phí tăng do hoạt động tăng.

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu của năm 2019 là 13,05%. Lợi nhuận tăng 15,57% so với năm 2018 (86,6 tỷ/ 74,9 tỷ), tăng 12,5% so với kế hoạch 2019 (86,6 tỷ/ 77 tỷ).

### 3.3 Cân đối kế toán Tài sản & Vốn

Đơn vị: đồng

<b>TÀI SẢN</b>		<b>31.12.2018</b>	<b>31.12.2019</b>	<b>(%)</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>		<b>109.676.547.096</b>	<b>106.880.759.197</b>	-3%
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>34.205.806.663</b>	<b>42.815.010.329</b>	25%
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>31.502.823.328</b>	<b>20.428.275.122</b>	-35%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		9.596.282.101	7.257.883.577	-24%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.050.314.827	3.612.751.722	-55%
6. Phải thu ngắn hạn khác		14.496.607.984	10.445.848.547	-28%
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>42.434.510.274</b>	<b>41.640.681.549</b>	-2%
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.533.406.831</b>	<b>1.996.792.197</b>	30%
<b>B. Tài sản dài hạn</b>		<b>180.170.022.712</b>	<b>194.124.143.363</b>	8%
<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>167.850.966.663</b>	<b>181.690.688.517</b>	8%
1. Tài sản cố định hữu hình		161.785.059.638	175.874.603.216	9%
- Nguyên giá		312.625.734.817	344.169.783.577	10%
- Giá trị hao mòn lũy kế		(150.840.675.179)	(168.295.180.361)	12%
3. Tài sản cố định vô hình		6.065.907.025	5.816.085.301	-4%
- Nguyên giá		8.632.952.472	8.632.952.472	
- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.567.045.447)	(2.816.867.171)	10%
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>11.940.655.549</b>	<b>12.050.694.306</b>	1%
<b>Tổng Tài sản (A+B)</b>		<b>289.846.569.808</b>	<b>301.004.902.560</b>	<b>4%</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>		<b>31.12.2018</b>	<b>31.12.2019</b>	
<b>C. Nợ phải trả</b>		<b>80.895.673.048</b>	<b>75.894.516.943</b>	-6%
I. Nợ ngắn hạn		80.853.629.353	75.876.205.673	-6%
II. Nợ dài hạn		42.043.695	18.311.270	-56%
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>208.950.896.760</b>	<b>225.110.385.617</b>	8%
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>208.950.896.760</b>	<b>225.110.385.617</b>	8%
1. Vốn góp của chủ sở hữu		155.520.000.000	155.520.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần		1.407.488.000	1.407.488.000	
8. Quỹ đầu tư phát triển		16.603.467.737	16.603.467.737	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.323.267.169	695.036.146	-47%
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		34.096.673.854	50.884.393.734	49%
<b>Tổng Nguồn vốn (C+D)</b>		<b>289.846.569.808</b>	<b>301.004.902.560</b>	<b>4%</b>
<b>Tồn quỹ</b>		<b>31.12.2018</b>	<b>31.12.2019</b>	
Tiền mặt tại quỹ		1.835.033.595	240.642.066	
Tiền tại Ngân hàng		32.370.773.068	42.574.368.263	
<b>Tổng cộng</b>		<b>34.205.806.663</b>	<b>42.815.010.329</b>	

Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 25%. Năm 2018 Tâm Đức đã đầu tư mới nhiều thiết bị có giá trị lớn và cải tạo cơ sở vật chất đầu tư khu Vip để phục vụ tốt hơn cho bệnh nhân có nhu cầu. Tổng giá trị đầu tư trên 42 tỷ đồng trong đó đầu tư không phải thường quy là 38,8 tỷ đồng, đến 31.12.2019

đã thanh toán hết, trong đó thanh toán trong năm 2019 là 22,5 tỷ. Hoạt động năm 2019 tăng mạnh và khoản thu từ Bảo hiểm y tế được thanh toán kịp thời nên tồn quỹ của bệnh viện vẫn tăng khá tốt.

*Các khoản phải thu ngắn hạn* nhìn chung đều giảm ở tất cả các chỉ tiêu: Các hội từ thiện kịp thời thanh toán cho Tâm Đức nên *Phải thu ngắn hạn của khách hàng* giảm 24%. Năm 2019 Tâm Đức không đầu tư lớn về tài sản do vậy không phát sinh tạm ứng cho các nhà cung cấp nên *Trả trước cho người bán ngắn hạn* giảm 55%. *Phải thu ngắn hạn khác* giảm 28% là do khoản thu từ Bảo hiểm y tế thanh toán kịp thời.

*Về Tồn kho*, theo quy định của Bệnh viện, phù hợp với 1 Bệnh viện chuyên khoa kỹ thuật cao, sử dụng hầu hết y dụng cụ ngoại nhập như Tâm Đức, tồn kho phải đảm bảo 2 tháng sử dụng. Giá trị tồn kho của Tâm Đức vẫn luôn đảm bảo ở mức an toàn dưới 2 tháng sử dụng (1 tháng sử dụng ít nhất 25 tỷ, tồn kho 41 tỷ).

*Về Đầu tư tài sản*, giá trị khấu hao từ ngày bắt đầu hoạt động 08.03.2006 đến 31.12.2019 là 178 tỷ. (Theo quy định những tài sản đã thanh lý và những tài sản không đủ tiêu chuẩn TSCĐ theo quy định năm 2013 sẽ ghi giảm khấu hao tương ứng, do đó số liệu khấu hao đến 31.12.2019 trên bảng Cân đối kế toán là 171 tỷ). Hiện Tâm Đức vẫn còn có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị là 68,9 tỷ do sử dụng và bảo trì tốt.

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Từ 2006 đến 2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng cộng
Giá trị khấu hao	66.819	14.464	14.750	15.701	16.572	17.709	15.133	17.783	178.931

Tâm Đức đã đầu tư mua sắm tài sản cố định và công cụ dụng cụ qua các năm là 217 tỷ.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Từ 2006 đến 2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng cộng
1	Tài sản cố định	62.454	22.450	4.019	22.541	5.911	18.395	31.623	167.393
2	Công cụ dụng cụ	23.199	2.466	3.652	3.255	6.020	7.417	4.251	50.260
<b>Tổng cộng</b>		<b>85.653</b>	<b>24.916</b>	<b>7.671</b>	<b>25.796</b>	<b>11.931</b>	<b>25.812</b>	<b>35.874</b>	<b>217.653</b>

Năm 2018, theo Nghị quyết ĐHCĐ 28.04.2018 Tâm Đức đã quyết định đầu tư mới nhiều thiết bị có giá trị lớn: Máy DSA, Máy tim phổi nhân tạo, Máy siêu âm, Máy Xquang, một số máy móc thiết bị trang bị cho khu Vip... với tổng giá trị là 38,8 tỷ đồng, *giá trị tài sản được nhập trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019*. Năm 2019 ngoài việc đầu tư thay thế một số tài sản thường quy, Tâm Đức đã trang bị đầu tư phát triển kỹ thuật mổ tim ít xâm lấn, đầu tư mở rộng khu Vip 2 ở khoa nội tim mạch 1 và mua 01 xe hành chánh mới thay thế xe hành chánh trang bị từ 2004 đã thanh lý.

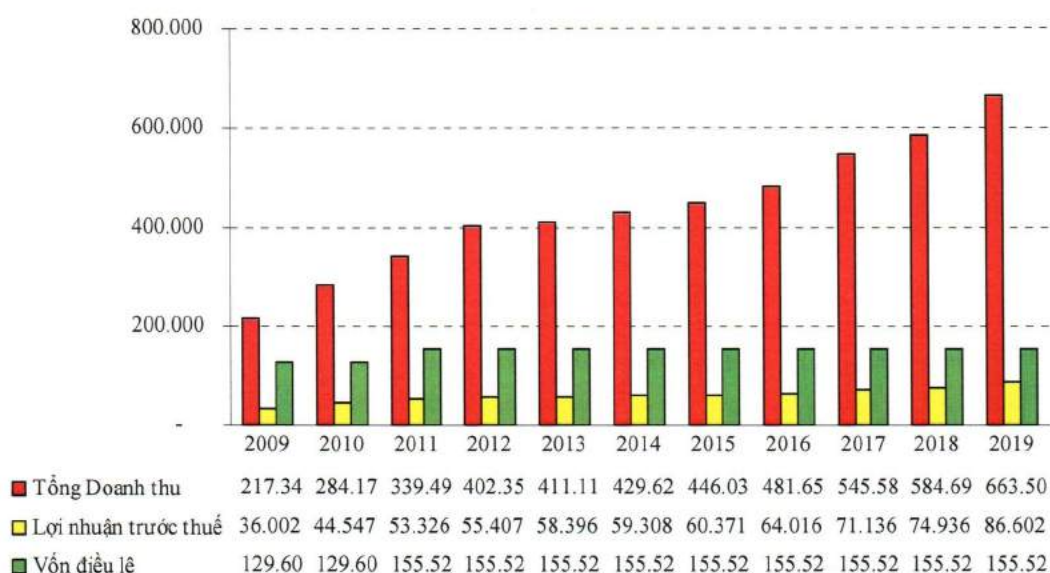
### 3.4 Sức khỏe tài chính

STT	CHỈ TIÊU	2014	2015	2016	2017	2018	2019
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản (%)</b>						
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	25,6%	25,5%	27,5%	38,3%	37,8%	35,5%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	74,4%	74,5%	72,5%	61,7%	62,2%	64,5%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn (%)</b>						
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	18,8%	20,1%	23,9%	22,2%	27,9%	25,2%
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	23,1%	25,1%	31,4%	28,5%	38,7%	33,7%
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán (lần)</b>						
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,9	0,6	0,6	1,2	0,8	0,9
	- Khả năng thanh toán hiện hành	1,6	1,3	1,2	1,7	1,4	1,4
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>						
	- Lợi nhuận trước thuế/Tổng doanh thu	13,8%	13,5%	13,3%	13,0%	12,8%	13,1%
	- Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	33,8%	34,4%	36,5%	40,5%	42,8%	49,5%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu thể hiện sức khỏe tài chính của Tâm Đức tốt và ổn định.

**Biểu đồ tăng trưởng một số chỉ tiêu chủ yếu**

Đơn vị: Triệu đồng



**3.5 Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước**

Đơn vị: đồng

	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Thuế VAT	470.672.644	284.855.368	752.674.424	636.128.662	914.576.616	1.336.362.317
Thuế TNDN	7.113.876.234	7.069.891.694	7.029.381.414	8.499.512.277	7.800.440.225	9.730.954.948
Thuế TNCN	3.847.425.485	5.957.240.521	6.170.471.131	7.712.391.940	9.704.952.840	10.641.332.462
<b>Tổng cộng đã nộp vào NSNN</b>	<b>11.431.974.363</b>	<b>13.311.987.583</b>	<b>13.952.526.969</b>	<b>16.848.032.879</b>	<b>18.419.969.681</b>	<b>21.708.649.727</b>

Tâm Đức thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Bộ Tài chính đã kiểm tra việc kê khai miễn giảm thuế TNDN năm 2010. Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, thuế TNDN từ 2002 đến 2006; Thanh tra thuế GTGT, thuế TNDN 2007, 2008, 2009; Kiểm tra thuế GTGT-TNDN 2011-2012. Năm 2010 Cục thuế Thành phố kiểm tra lại vào cuối năm 2013 kết quả tốt. Tháng 09.2018, Cục thuế Thành phố đã kiểm tra thuế GTGT, TNDN năm 2013 và 2014 kết quả tốt. Tâm Đức đã được nhận bằng khen của Bộ tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế Tp.HCM về việc chấp hành tốt chính sách và pháp luật thuế các năm 2013, 2014, 2015, 2016.

**3.6 Cổ phiếu, cổ tức**

Vốn điều lệ 155,520 tỷ đồng, số cổ phiếu đang lưu hành là 15.552.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng.

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức lên sàn giao dịch Upcom theo qui định.

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức và quản lý Tâm Đức.

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23.01.2017. Ngày 06.02.2017 là ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu là 36.000đ/CP.

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2010 là 41.947.767.302 đồng. Mức cổ tức chi trả là 25%/mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011 là 47.391.718.003 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.  
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2012 là 49.122.543.317 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.  
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2013 là 51.662.557.368 đồng. Mức cổ tức chi trả là 26%/mệnh giá.  
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 là 52.530.012.803 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.  
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2015 là 53.483.207.623 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.  
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2016 là 56.804.368.801 đồng. Mức cổ tức chi trả là 30%/mệnh giá.  
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 là 63.032.416.458 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.  
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 là 66.611.442.401 đồng. Mức cổ tức chi trả là 33%/mệnh giá.  
 Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 là 76.980.790.410 đồng. Mức cổ tức 2019 dự kiến chi trả theo nghị quyết ĐHCĐ 27.04.2019 là 33%/mệnh giá. Tâm Đức đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.08.2019, cổ tức đợt 2 là 11%/mệnh giá vào ngày 21.11.2019. Mức cổ tức còn lại dự kiến là 11%/mệnh giá sẽ thực hiện sau khi thông qua Đại hội cổ đông 25.04.2020.

#### 4. QUẢN LÝ BỆNH VIỆN

##### 1. Quản lý chất lượng bệnh viện theo tiêu chí của Bộ Y tế:

Năm 2018 đạt mức 4.11. Kế hoạch 2019 phải đạt mức 4.12.  
 Ngày 21 tháng 11, Sở Y Tế đã tiến hành kiểm tra về QLCLBV BV Tim Tâm Đức. Kết quả được 4.33, liên tiếp tăng trong 3 năm.  
 Tâm Đức đứng trong top 10 bệnh viện thành phố có điểm quản lý chất lượng bệnh viện cao nhất, đồng hạng 2 trong nhóm bệnh viện ngoài công lập có điểm quản lý chất lượng bệnh viện cao nhất.  
 Tâm Đức đạt giải “Cơ sở y tế xanh vì sức khỏe cộng đồng” của Bộ Y tế.

##### 2. Công nghệ thông tin:

Đang sử dụng phần mềm FPT từ 2017 liên tục cập nhật và phát triển các yêu cầu phát sinh về BHYT và Quản lý chất lượng

##### 3. An toàn cơ quan & Phòng cháy chữa cháy:

Các qui định về an toàn cơ quan & Phòng cháy chữa cháy luôn luôn được nghiêm chỉnh thực hiện. Tâm Đức đã tổ chức 7 buổi huấn luyện tại chỗ về phòng cháy chữa cháy cho nhân viên, kết quả tốt: đa số nhân viên biết cách xử lý khi có sự cố cháy nổ. Triển khai bảng hướng dẫn xử lý sự cố đặt tại mỗi đơn vị công tác. Có 02 đợt kiểm tra vào tháng 4.2019 và tháng 1.2020 đạt kết quả tốt.

##### 4. Tiết kiệm điện và bảo trì, sửa chữa các máy móc thiết bị lớn:

Các máy móc kỹ thuật lớn của Tâm Đức bao gồm: hệ thống máy lạnh trung tâm; hệ thống khí y tế, máy phát điện dự phòng, thang máy và các thiết bị y khoa quan trọng được ký hợp đồng bảo trì với chính hãng và được bảo trì thường xuyên bởi lực lượng kỹ sư của Tâm Đức, kịp thời sửa chữa và thay thế các bộ phận bị hỏng, đảm bảo vận hành tốt.

Năm 2019, không có hư hỏng quan trọng hay sửa chữa lớn đối với các máy móc thiết bị. Hệ thống thang máy Nippon khu B tuy vẫn hoạt động được, nhưng cần xem xét mức độ an toàn.

Chi phí sử dụng điện rất cao, đơn giá tăng 8,5% so với năm 2018. Tâm Đức đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện và nước để giảm chi phí nên lượng điện tiêu thụ giảm 7% (3.368.042 kW/3.608.049kW)

#### 5. Bảo Hiểm Y Tế

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Bệnh nhân BHYT	54.537	56.801	12.754	16.314	18.589	17.539	18.340
Trong đó							
- Ngoại trú	51.374	53.729	9.784	12.799	14.706	13.484	13.911
- Nội trú	3.163	3.072	2.970	3.515	3.883	4.055	4.429
Số tiền thanh toán (triệu đồng)	59.596	56.577	46.198	61.032	70.104	72.674	72.247



Số lượt bệnh nhân BHYT tăng 4,5% so với năm 2018 (18.340/17.539) chủ yếu bệnh nhân ngoại trú  
Số tiền thanh toán BHYT tương đương so với năm 2018 (72,2 tỷ/72,6 tỷ).

Tỉ lệ người bệnh ngoại trú có BHYT đạt 13,3% (13.911/104.627), thấp hơn nhiều so với trước  
01.01.2015 (hơn 50%) do từ 01.01.2015 SYT-BHXH qui định bệnh viện Tim Tâm Đức là BV Tư  
nhân, không được phép nhận BN BHYT trái tuyến.

Tỉ lệ người bệnh nội trú có BHYT là 75% (4.429/5.920)

BHYT rất quan trọng đến sự phát triển ổn định của Tâm Đức. Trong những năm gần đây, Tâm Đức đã  
phối hợp tốt với BHYT nên thâm định kết quả tốt, không bị xuất toán, chi trả kịp thời, quyền lợi của  
người bệnh được đảm bảo mức cao nhất.

#### **6. Phòng Nội soi tiêu hóa:**

Tháng 10.2018, Bệnh viện Tim Tâm Đức đã thành lập phòng Nội soi tiêu hóa. Đến nay đã thực hiện  
được 996 ca, kết quả tốt.

#### **7. Phòng Đo loãng xương**

Bệnh viện Tim Tâm Đức đã thành lập phòng Đo loãng xương từ tháng 11 năm 2018. Đến nay đã thực  
hiện 1.117 ca

#### **8. Khu Điều trị Đặc biệt:**

*Khu Hồi sức đặc biệt* và *Khu Khám và điều trị đặc biệt* dành cho những bệnh nhân có nhu cầu được  
chăm sóc và điều trị theo yêu cầu cao đã bắt đầu hoạt động từ ngày 09.10.2018. Đến nay, *Khu Khám  
và điều trị đặc biệt* có kết quả rất tích cực, được người bệnh hài lòng, nâng cao thêm uy tín của Tâm  
Đức. Đã có 428 bệnh nhân nội trú với tổng số ngày điều trị là 1.710 và 6.371 bệnh ngoại trú; *Khu Hồi  
sức đặc biệt* đã điều trị cho 339 bệnh nhân với tổng số ngày điều trị là 2746.

Kết quả tích cực của hoạt động này ảnh hưởng quan trọng đến kết quả tài chính của Tâm Đức

#### **9. Giao dịch chứng khoán Tâm Đức trên hệ thống giao dịch Upcom:**

Đại hội Cổ đông ngày 29.04.2016 đã quyết định chủ trương Công Ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức  
lên sàn giao dịch Upcom theo qui định của nhà nước.

Nghị quyết số V.12/NQ-HĐQT ngày 23.06.2016 của Hội Đồng Quản Trị quyết định ký hợp đồng với  
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt tư vấn những thủ tục cần thiết để Tâm Đức lên sàn giao dịch  
Upcom theo qui định.

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt đã được chọn là Công ty tư vấn cho Tâm Đức thực hiện các  
thủ tục cần thiết để lên sàn Upcom

Ngày 09.01.2017, Trung tâm lưu ký chứng khoán đã ban hành Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán  
số 11/2017/GCNCP-VSD cho Tâm Đức

Sở Giao Dịch chứng khoán Hà nội đã chấp thuận cho Tâm Đức chính thức đăng ký giao dịch trên sàn  
Upcom qua quyết định số 65/QĐ-SGDHN do Tổng giám đốc SGDCK Hà nội cấp ngày 23/01/2017.  
Ngày giao dịch đầu tiên là 06.02.2017. Giá tham chiếu là 36.000 đồng/cổ phiếu. Tâm Đức đã gửi cho  
các cổ đông thư hướng dẫn thủ tục giao dịch trên sàn upcom ngày 23.01.2017. Thời điểm 29.02.2020,  
giá cổ phiếu của Tâm Đức trên sàn upcom 52.000 đồng một cổ phiếu (có những lúc lên 60.000 đồng)  
nhưng hầu như rất ít giao dịch. Khối lượng cổ phiếu giao dịch ở mức 12,2% tổng số cổ phiếu  
(1.892.534/15.552.000), trong đó quan trọng là sự chuyển dịch cho người trong gia đình và giữa các cổ  
đông hiện hữu.

### III ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH TÂM ĐỨC 2020

**Về nhân sự:** Tâm Đức đã hoạt động ổn định và phát triển 14 năm. Đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng của Tâm Đức đã trưởng thành, trình độ được nâng cao.

**Về chuyên môn:** Năm 2020, tình hình chung có nhiều khó khăn, thách thức, vì vậy các chỉ tiêu chuyên môn nên ở mức tương đương 2019. *Khám bệnh, cấp cứu và điều trị nội trú tương đương 2019. Phẫu thuật tim phải đạt 500, thông tim can thiệp và điện sinh lý tim phải đạt trên 1.800.*

**Về tài chính:** kế hoạch dự kiến 10.03.2020 trình Đại Hội Cổ Đông 2020 tương đương mức thực hiện của năm 2019

Tổng doanh thu 660 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế 86 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế 76 tỷ đồng

Cổ tức 33%/mệnh giá

Hiện nay tình hình dịch Covid phát triển nhanh, hoạt động của Bệnh viện sụt giảm nhanh chóng, vì vậy, Kế hoạch Tâm Đức 2020 sẽ phải điều chỉnh ở thời điểm sát Đại hội trình Đại Hội Cổ Đông thông qua

#### **Đại Hội Cổ Đông 2020:**

Đại Hội Cổ Đông 2020 sẽ được tổ chức vào ngày 25.04.2019 lúc 8 giờ tại Hội trường Hữu nghị Bệnh Viện Tim Tâm Đức

Ngày đăng ký cuối cùng: 31.03.2020

Ngày gửi thông báo triệu tập Đại Hội Cổ Đông và tài liệu họp: 06.04.2020

Nội dung trình Đại Hội Cổ Đông 2020 thông qua:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động 2019,
2. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát 2019
3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019. Mức chi trả cổ tức 2019 là 33%
4. Thông qua đề xuất ủy quyền Hội Đồng Quản Trị chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2020
5. Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2020
6. Thông qua Kế hoạch trích quỹ 2020
7. Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức 2020
8. Bầu Ban Kiểm Soát Nhiệm kỳ 2020-2024.
9. Và các nội dung khác thuộc thẩm quyền ĐHCĐ

#### IV KẾT LUẬN:

Năm 2019 dù có nhiều khó khăn, Tâm Đức vẫn phát triển rất tốt nhờ triển khai kịp thời các hoạt động mới thích hợp có hiệu quả cao nên hoạt động chuyên môn đều tăng, vượt mức kế hoạch 5%, kết quả tài chính vượt cao hơn 10% so với kế hoạch 2019. Lợi nhuận tăng trên 15% so với 2018

Năm 2020 sẽ khó khăn hơn 2019 nhiều vì dịch Covid 19. Các chỉ tiêu sẽ phải điều chỉnh thấp trình Đại Hội quyết định theo mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2020

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**TS. BS. NGUYỄN NGỌC CHIÊU**

**PHỤ LỤC I**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ 2019  
ĐÃ KIỂM TOÁN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019*

**CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**



# MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-32

---

11/11/2023

# CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 1. Thông tin chung về công ty:

#### Thành lập:

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

**Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần đại chúng lớn.

#### Hoạt động chính của Công ty:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc; Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở).

**Tên tiếng Anh:** TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** TAM DUC CO.

**Mã chứng khoán niêm yết:** TTD

**Trụ sở chính:** Số 04 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

#### Hội đồng Quản trị

Ts.Bs.	Nguyễn Ngọc Chiêu	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Thành viên
Ths.	Phạm Anh Dũng	Thành viên
BS.CKI	Phạm Bích Xuân	Thành viên
DS.CKII	Thân Thị Thu Vân	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

CN.	Vương Thị Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà	Bùi Thúy Kiều	Thành viên
Bs.	Nguyễn Nhị Phương	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ths.	Đỗ Kim Thúy	Tổng Giám Đốc
Ts.Bs.	Tôn Thất Minh	Giám Đốc Bệnh viện
Ts.Bs.	Chu Trọng Hiệp	Giám Đốc Ngoại khoa
Bs.CKI	Phạm Bích Xuân	Giám Đốc Đối ngoại
Bs.	Đình Đức Huy	Giám Đốc Nội tim mạch
Bs.CKII	Ngô Phương Thúy	Giám đốc Phòng khám đa khoa Tâm Đức
Bs.CKII	Lâm Mỹ Dung	Giám đốc Phòng khám đa khoa Phúc Đức
CN.	Phan Thị Thanh Nga	Giám Đốc Tài chính

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng ( tiếp theo )**

PGs.Ts.Bs. Nguyễn Thị Bích Đào	Phó Giám đốc phụ trách nội tiết và chuyển hóa
Ths.BS Nguyễn Huỳnh Khương	Phó Giám Đốc Thông tin can thiệp và Bệnh lý mạch máu
CN. Nguyễn Ngọc An Khôi	Phó Giám Đốc Quản lý chất lượng Bệnh viện
CN. Trương Thị Mai Lan	Phó Giám Đốc Hành chánh
CN. Trần Thị Thanh Nhân	Phó Giám Đốc Quản trị và tổ chức nhân sự
CN. Võ Thiệu Tân	Kế toán trưởng

**Người đại diện theo pháp luật**

Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu Chủ tịch hội đồng quản trị

Ts. Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu đã ủy quyền cho Ths. Đỗ Kim Thúy ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền ngày 10 tháng 03 năm 2017.

4. Các thông tin khác: Không có.

**5. Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**7. Xác nhận**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM ngày 16 tháng 03 năm 2020

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ts.Bs. Nguyễn Ngọc Chiêu  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**

**Auditing And Informatic Services Company Limited**

**Office:** 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh

**Tel:** (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

**Fax:** (84.28) 3834 2957

**Email:** info@aisc.com.vn

**Website:** www.aisc.com.vn

Số: A0619252-R/AISC-DN2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**

### **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC, được lập ngày 16 tháng 03 năm 2020, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**TP. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2020**

**KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC**



**Dương Thị Phương Anh**

Số GCNĐKHNKT: 0321-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**Nguyễn Thị Phương Thùy**

Số GCNĐKHNKT: 1871-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : 6 Floor, 36 Hoa Bình 4 Street, Minh Khai Ward, Hai Bà Trưng Dist., Hà Nội City

Branch in Đà Nẵng : 350 Hai Phong St., Thanh Khê Dist., Đà Nẵng City

Representative in Cần Thơ : P9019 - A 200 Nguyễn Hiền St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng

Tel: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn

Tel: (84.236) 3747 619

Fax: (84.236) 3747 620

Email: danang@aisc.com.vn

Tel: (84.28) 3832 9129

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: cantho@aisc.com.vn

Tel: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.24) 3782 0048

Email: haiphong@aisc.com.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>106.880.759.197</b>	<b>109.676.547.096</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>42.815.010.329</b>	<b>34.205.806.663</b>
1. Tiền	111		17.090.674.532	18.353.684.643
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.724.335.797	15.852.122.020
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.428.275.122</b>	<b>31.502.823.328</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.257.883.577	9.596.282.101
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.612.751.722	8.050.314.827
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	10.445.848.547	14.496.607.984
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2a	(888.208.724)	(640.381.584)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>41.640.681.549</b>	<b>42.434.510.274</b>
1. Hàng tồn kho	141		41.640.681.549	42.434.510.274
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.996.792.197</b>	<b>1.533.406.831</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.880.607.060	1.533.406.831
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11b	116.185.137	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>194.124.143.363</b>	<b>180.170.022.712</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>382.760.540</b>	<b>378.400.500</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	382.760.540	378.400.500
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>181.690.688.517</b>	<b>167.850.966.663</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	175.874.603.216	161.785.059.638
- Nguyên giá	222		344.169.783.577	312.625.734.817
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168.295.180.361)	(150.840.675.179)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	5.816.085.301	6.065.907.025
- Nguyên giá	228		8.632.952.472	8.632.952.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.816.867.171)	(2.567.045.447)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.050.694.306</b>	<b>11.940.655.549</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.050.694.306	11.940.655.549
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>301.004.902.560</b>	<b>289.846.569.808</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>75.894.516.943</b>	<b>80.895.673.048</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>75.876.205.673</b>	<b>80.853.629.353</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9	52.644.789.950	48.260.211.663
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	4.410.735.771	4.307.320.527
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.866.143.719	2.242.281.255
4. Phải trả người lao động	314		10.941.786.273	7.175.741.114
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.266.457.981	2.159.800.054
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.744.820.204	16.707.896.936
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.471.775	377.804
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.311.270</b>	<b>42.043.695</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
			<u>18.311.270</u>	<u>42.043.695</u>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>225.110.385.617</b>	<b>208.950.896.760</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>225.110.385.617</b>	<b>208.950.896.760</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.407.488.000	1.407.488.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.603.467.737	16.603.467.737
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		695.036.146	1.323.267.169
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.884.393.734	34.096.673.854
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16.089.095.854	8.722.432.256
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.795.297.880	25.374.241.598
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>301.004.902.560</b>	<b>289.846.569.808</b>

TP. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU - GĐTC



Phan Thị Thanh Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Võ Thiện Tân



Ths. Đỗ Kim Thúy

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	660.649.493.592	581.626.757.835
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	660.649.493.592	581.626.757.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	509.408.587.383	446.575.600.515
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>151.240.906.209</b>	<b>135.051.157.320</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	803.103.527	1.170.837.490
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	9.843.977	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	13.700.557.115	12.908.186.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	53.190.283.073	49.680.075.764
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>85.143.325.571</b>	<b>73.633.732.113</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.050.724.014	1.898.707.234
12. Chi phí khác	32	VI.8	592.177.942	596.914.239
<b>13. Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	<b>40</b>		<b>1.458.546.072</b>	<b>1.301.792.995</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>86.601.871.643</b>	<b>74.935.525.108</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	9.621.081.233	8.324.082.707
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>76.980.790.410</b>	<b>66.611.442.401</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4.637	4.020
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	4.637	4.020

NGƯỜI LẬP BIỂU - GĐTC



Phan Thị Thanh Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Võ Thiện Tân

TP. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ths. Đỗ Kim Thúy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		86.601.871.643	74.935.525.108
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.6-7	17.783.526.906	15.132.811.399
- Các khoản dự phòng	03	VI.6b	247.827.140	111.971.256
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		9.843.977	(10.681.353)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(884.131.747)	(1.025.348.038)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		103.758.937.919	89.144.278.372
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		7.967.956.059	(11.398.371.000)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		793.828.725	(6.154.167.902)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.795.355.321	2.973.116.199
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(457.238.986)	(2.081.799.755)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.730.954.948)	(7.800.440.225)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		347.241.354	566.481.360
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.230.828.203)	(5.126.200.197)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>101.244.297.241</b>	<b>60.122.896.852</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(25.075.798.645)	(21.365.708.950)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		81.372.727	5.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		802.759.020	1.160.107.890
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(24.191.666.898)</b>	<b>(20.200.101.060)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.428.200.700)	(59.160.822.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(68.428.200.700)</b>	<b>(59.160.822.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>8.624.429.643</b>	<b>(19.238.026.708)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>34.205.806.663</b>	<b>53.433.152.018</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15.225.977)	10.681.353
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>42.815.010.329</b>	<b>34.205.806.663</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU - GĐTC



Phan Thị Thanh Nga

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Võ Thiện Tân

TP. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC



Ths. Đỗ Kim Thúy



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2002. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 (bảy) ngày 06/10/2007 tăng vốn điều lệ của Công ty là 129.600.000.000 VND, thay đổi lần thứ 8 (tám) ngày 24/6/2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 (chín) ngày 21/02/2011 tăng vốn điều lệ của Công ty là 155.520.000.000 VND, thay đổi lần thứ 10 (mười) ngày 13/05/2011, thay đổi lần thứ 12 (mười hai) ngày 18/6/2012, thay đổi lần thứ 14 (mười bốn) ngày 25/06/2015. Ngày 07/01/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 23/BYT-GPHĐ cho BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

**Tên tiếng Anh:** TAM DUC CARDIOLOGY HOSPITAL JOINT STOCK COMPANY

**Tên viết tắt:** TAM DUC CO.

**Niêm yết đăng ký giao dịch (UPCOM):** Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Mã chứng khoán:** TTD

**Trụ sở chính:** Số 04 Khu phố 1 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.

**2. Hình thức sở hữu vốn:**

Hình thức sở hữu vốn của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức là vốn cổ phần.

**3. Hoạt động chính của Công ty:**

Dịch vụ khám, chữa bệnh: bệnh viện; Bán thuốc; Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở).

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2019:** 592 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 606 nhân viên).**7. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

- Phòng khám đa khoa Tâm Đức. Địa chỉ: 81-83 Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

- Phòng khám đa khoa Phúc Đức. Địa chỉ: 04 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

**8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2019: 23.110 VND/USD; 25.825,63 VND/EUR.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)**

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Nhập trước xuất trước (FIFO)

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: (tiếp theo)***Tài sản cố định hữu hình mua được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế*

Trường hợp mua TSCĐ được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì phải xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý. Nguyên giá TSCĐ được mua là tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế.

**5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

*Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

**5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

**Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	30 năm
Máy móc, thiết bị	12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Quyền sử dụng đất (bắt đầu khấu hao từ năm 2011) (*)	42 năm
Phần mềm máy tính	2-10 năm

(\*) Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước (tiếp theo)**

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả bao gồm chi phí điện nước, xét nghiệm... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản đối chiếu cụ thể.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

5  
C  
T  
M  
IV  
HÀ  
50  
-7

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

Thu nhập chịu thuế từ Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10%, các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh vẫn áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

**14. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ từ thiện, Quỹ nhân đạo, Quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**15. Công cụ tài chính:****Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Công cụ tài chính: (tiếp theo)****Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**16. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Bệnh Viện Tim Tâm Đức, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2019	01/01/2019
<b>Tiền</b>	<b>17.090.674.532</b>	<b>18.353.684.643</b>
Tiền mặt	240.642.066	1.835.033.595
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.850.032.466	16.518.651.048
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>25.724.335.797</b>	<b>15.852.122.020</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	25.724.335.797	15.852.122.020
<b>Cộng</b>	<b>42.815.010.329</b>	<b>34.205.806.663</b>

2. Phải thu của khách hàng	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>7.257.883.577</b>	<b>(888.208.724)</b>	<b>9.596.282.101</b>	<b>(640.381.584)</b>
Khách hàng trong nước	7.257.883.577	(888.208.724)	9.596.282.101	(640.381.584)
Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo TP.HCM	1.602.820.497	-	1.385.887.767	-
Công ty Vinacapital	451.933.656	-	261.862.597	-
Khách hàng trong nước khác	5.203.129.424	(888.208.724)	7.948.531.737	(640.381.584)
<b>Cộng</b>	<b>7.257.883.577</b>	<b>(888.208.724)</b>	<b>9.596.282.101</b>	<b>(640.381.584)</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.612.751.722</b>	-	<b>8.050.314.827</b>	-
Nhà cung cấp trong nước	3.612.751.722	-	8.050.314.827	-
Cty TNHH SX TM DV Gia Quân Hiếu	642.597.422	-	126.769.000	-
Cty CP Nghiên Cứu Và Phát Triển Y Tế Việt Nam	1.703.500.000	-	1.648.600.000	-
Cty TNHH TM và Công Nghệ Kỹ Thuật TNT	819.568.900	-	-	-
Cty TNHH Thương Mại Vật Tư Khoa Học Kỹ Thuật	-	-	6.003.200.000	-
Nhà cung cấp trong nước khác	447.085.400	-	271.745.827	-
<b>Cộng</b>	<b>3.612.751.722</b>	-	<b>8.050.314.827</b>	-

**4. Phải thu khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>10.445.848.547</b>	-	<b>14.496.607.984</b>	-
Phải thu người lao động	428.793.200	-	370.588.977	-
Ký cược, ký quỹ	43.965.000	-	37.000.000	-
Các khoản chi hộ (BHYT)	9.490.694.979	-	13.517.009.638	-
Phải thu khác	482.395.368	-	572.009.369	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>382.760.540</b>	-	<b>378.400.500</b>	-
Ký cược, ký quỹ	382.760.540	-	378.400.500	-
<b>Cộng</b>	<b>10.828.609.087</b>	-	<b>14.875.008.484</b>	-

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.029.639.223	-	26.543.813.589	-
Công cụ, dụng cụ	1.381.684.412	-	2.738.757.562	-
Hàng hoá	14.229.357.914	-	13.151.939.123	-
<b>Cộng</b>	<b>41.640.681.549</b>	-	<b>42.434.510.274</b>	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

**6. Tài sản cố định hữu hình (Xem trang 30).**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**7. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6.970.212.772	1.662.739.700	<b>8.632.952.472</b>
<i>Mua trong năm</i>	-	-	-
Số dư cuối năm	6.970.212.772	1.662.739.700	<b>8.632.952.472</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.327.659.552	1.239.385.895	<b>2.567.045.447</b>
<i>Khấu hao trong năm</i>	165.957.444	83.864.280	<b>249.821.724</b>
Số dư cuối năm	1.493.616.996	1.323.250.175	<b>2.816.867.171</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.642.553.220	423.353.805	<b>6.065.907.025</b>
Số dư cuối năm	5.476.595.776	339.489.525	<b>5.816.085.301</b>

\* Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

\* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 919.359.700 VND.

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

\* Các thay đổi khác về Tài sản cố định vô hình: không có.

\* Thuyết minh số liệu và các giải trình khác: không có.

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>1.880.607.060</b>	<b>1.533.406.831</b>
Các khoản khác (chi phí bảo trì phần mềm, bảo hiểm)	1.880.607.060	1.533.406.831
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>12.050.694.306</b>	<b>11.940.655.549</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.329.848.883	7.577.965.684
Các khoản khác	6.720.845.423	4.362.689.865
<b>Cộng</b>	<b>13.931.301.366</b>	<b>13.474.062.380</b>

**9. Phải trả người bán**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>52.644.789.950</b>	<b>52.644.789.950</b>	<b>48.260.211.663</b>	<b>48.260.211.663</b>
Nhà cung cấp trong nước	52.644.789.950	52.644.789.950	48.260.211.663	48.260.211.663
<i>Cty TNHH DP &amp; TTBYT Hoàng Đức</i>	2.166.568.638	2.166.568.638	1.974.166.442	1.974.166.442
<i>Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ H.T.L</i>	2.932.817.000	2.932.817.000	1.262.954.000	1.262.954.000
<i>Cty CP Công Nghệ Sinh Học Kim Hòa Phát</i>	1.897.750.000	1.897.750.000	1.655.850.000	1.655.850.000
<i>Cty TNHH Dược Phẩm Thiết Bị Y Tế KI TA PI DA</i>	1.514.500.000	1.514.500.000	1.982.500.000	1.982.500.000
<i>Cty TNHH TM Tâm Hợp</i>	6.579.257.714	6.579.257.714	5.029.203.589	5.029.203.589

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Phải trả người bán (tiếp theo)	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cty TNHH MTV Dược Phẩm Triều Giang	6.332.652.238	6.332.652.238	2.939.141.849	2.939.141.849
Cty TNHH MTV Vimedimex Bình Dương	5.981.920.839	5.981.920.839	2.937.599.240	2.937.599.240
Cty CP Dược Liệu TWII (Phytopharma)	6.069.550.819	6.069.550.819	6.913.990.377	6.913.990.377
Nhà cung cấp trong nước khác	19.169.772.702	19.169.772.702	23.564.806.166	23.564.806.166
<b>Cộng</b>	<b>52.644.789.950</b>	<b>52.644.789.950</b>	<b>48.260.211.663</b>	<b>48.260.211.663</b>
10. Người mua trả tiền trước			31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn			4.410.735.771	4.307.320.527
Khách hàng trong nước			4.410.735.771	4.307.320.527
Thu tạm ứng bệnh nhân			2.094.323.261	2.714.138.217
Khách hàng trong nước khác			2.316.412.510	1.593.182.310
<b>Cộng</b>			<b>4.410.735.771</b>	<b>4.307.320.527</b>
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
<b>Phải nộp</b>	<b>01/01/2019</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>31/12/2019</b>
Thuế giá trị gia tăng	58.996.303	1.277.366.014	1.336.362.317	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.339.980.775	9.621.081.233	9.730.954.948	1.230.107.060
Thuế thu nhập cá nhân	843.304.177	11.434.064.944	10.641.332.462	1.636.036.659
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.242.281.255</b>	<b>22.337.512.191</b>	<b>21.713.649.727</b>	<b>2.866.143.719</b>
<b>b. Phải thu</b>	<b>01/01/2019</b>	<b>Số phát sinh trong năm</b>	<b>Số đã khấu trừ trong năm</b>	<b>31/12/2019</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	-	7.083.476.445	6.967.291.308	116.185.137
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>7.083.476.445</b>	<b>6.967.291.308</b>	<b>116.185.137</b>
12. Chi phí phải trả			31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn			2.266.457.981	2.159.800.054
Chi phí phải trả (tiền điện, nước, xét nghiệm, bảo trì máy chuyên dùng...)			2.266.457.981	2.159.800.054
<b>Cộng</b>			<b>2.266.457.981</b>	<b>2.159.800.054</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

		31/12/2019	01/01/2019
<b>13. Phải trả khác</b>			
<b>Ngắn hạn</b>		<b>2.744.820.204</b>	<b>16.707.896.936</b>
Tiền ủng hộ bệnh nhân nghèo thu của tổ chức và cá nhân		95.196.337	65.964.259
Lợi nhuận phẫu thuật 2013 trả viện tim		630.889.135	630.889.135
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		-	14.292.606.701
Tiền tài trợ các hợp đồng nghiên cứu, hội thảo		1.973.429.000	1.665.041.920
Các khoản phải trả, phải nộp khác		45.305.732	53.394.921
<b>Cộng</b>		<b>2.744.820.204</b>	<b>16.707.896.936</b>
<b>14. Vốn chủ sở hữu</b>			
<b>a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu (Xem trang 31)</b>			
<b>b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Vốn góp của các nhà đầu tư: cổ đông pháp nhân, cá nhân	100%	155.520.000.000	155.520.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>155.520.000.000</b>	<b>155.520.000.000</b>
<b>c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Vốn góp của chủ sở hữu		155.520.000.000	155.520.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>		155.520.000.000	155.520.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>		155.520.000.000	155.520.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		54.022.734.000	73.667.366.000
<b>d. Cổ phiếu</b>		<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		15.552.000	15.552.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		15.552.000	15.552.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		15.552.000	15.552.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.</i>		10.000	10.000
<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>		<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Quỹ đầu tư phát triển		16.603.467.737	16.603.467.737
Quỹ khác thuộc nguồn vốn hữu sở hữu		695.036.146	1.323.267.169
<b>Cộng</b>		<b>17.298.503.883</b>	<b>17.926.734.906</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

*Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

## a. Tài sản nhận giữ hộ:

Vật tư ký gửi	Đơn vị tính	Số lượng	
		31/12/2019	01/01/2019
Amplatez/Coil	Cái	35	66
Anneaux	Cái	42	47
Ballon	Cái	589	612
Dụng Cụ Điện Sinh Lý	Cái	24	43
Dụng Cụ Điện Sinh Lý	Bộ	1	3
Pacemaker	Bộ	2	1
Pacemaker	Cái	3	6
Stent	Cái	472	448
Valve	Cái	72	67
Y Dụng Cụ	Bộ	5	4
Y Dụng Cụ	Cái	64	92
<b>Cộng</b>		<b>1.309</b>	<b>1.389</b>

**15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

## b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		01/01/2019	
	Nguyên tệ	Giá trị (VND)	Nguyên tệ	Giá trị (VND)
USD	\$ 73.361,11	1.695.375.252	\$ 63.835,94	1.478.121.191
EUR	€ 22.586,45	583.309.301	€ 22.597,37	594.570.475
<b>Cộng</b>		<b>2.278.684.553</b>		<b>2.072.691.666</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu khám, chữa bệnh	495.315.329.580	437.120.967.215
Doanh thu bán thuốc	163.061.215.830	142.145.763.348
Doanh thu trực tiếp dịch vụ Nhà hàng	2.272.948.182	2.360.027.272
<b>Cộng</b>	<b>660.649.493.592</b>	<b>581.626.757.835</b>

**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu khám, chữa bệnh	495.315.329.580	437.120.967.215
Doanh thu bán thuốc	163.061.215.830	142.145.763.348
Doanh thu trực tiếp dịch vụ Nhà hàng	2.272.948.182	2.360.027.272
<b>Cộng</b>	<b>660.649.493.592</b>	<b>581.626.757.835</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn DV khám chữa bệnh	356.946.417.331	312.363.435.883
Giá vốn bán thuốc	142.818.274.104	124.897.494.525
Giá vốn dịch vụ Nhà hàng	9.643.895.948	9.314.670.107
<b>Cộng</b>	<b>509.408.587.383</b>	<b>446.575.600.515</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2019	Năm 2018
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	802.759.020	1.160.107.890
Lãi chênh lệch tỷ giá	344.507	10.729.600
<b>Cộng</b>	<b>803.103.527</b>	<b>1.170.837.490</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	9.843.977	-
<b>Cộng</b>	<b>9.843.977</b>	<b>-</b>
<b>6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	5.665.026.305	5.065.334.678
Chi phí vật liệu, bao bì	1.266.011.076	570.943.511
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	86.506.539	212.936.895
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.800.000	4.800.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.352.310.358	6.783.396.407
Chi phí bằng tiền khác	325.902.837	270.775.442
<b>Cộng</b>	<b>13.700.557.115</b>	<b>12.908.186.933</b>
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	25.882.971.063	24.311.973.012
Chi phí vật liệu, bao bì	828.024.702	624.032.686
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.644.963.174	1.786.457.603
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.521.333.937	5.890.756.579
Thuế, phí, lệ phí	1.921.910.000	1.857.448.055
Dự phòng phải thu khó đòi	247.827.140	111.971.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.381.175.925	11.703.064.317
Chi phí bằng tiền khác	4.762.077.132	3.394.372.256
<b>Cộng</b>	<b>53.190.283.073</b>	<b>49.680.075.764</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Xử lý vật tư thừa sau kiểm kê	3.480.698	1.861.346
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	81.372.727	-
Các khoản khác	1.965.870.589	1.896.845.888
<b>Cộng</b>	<b>2.050.724.014</b>	<b>1.898.707.234</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	134.759.852
Xử lý vật tư thiếu sau kiểm kê	976.081	1.294.116
Các khoản bị phạt	380.916.878	60.049.517
Các khoản khác	210.284.983	400.810.754
<b>Cộng</b>	<b>592.177.942</b>	<b>596.914.239</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2019	Năm 2018
<b>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	348.775.742.607	317.943.950.992
Chi phí nhân công	144.670.838.533	126.137.241.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.783.526.906	15.132.811.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.469.331.674	25.845.392.798
Chi phí khác bằng tiền	36.806.159.126	30.258.634.447
<b>Cộng</b>	<b>575.505.598.846</b>	<b>515.318.031.114</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.621.081.233	8.324.082.707
<b>2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>9.621.081.233</b>	<b>8.324.082.707</b>
<b>11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	76.980.790.410	66.611.442.401
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(4.871.308.455)	(4.098.011.926)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác	(4.871.308.455)	(4.098.011.926)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	72.109.481.955	62.513.430.475
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.552.000	15.552.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.637</b>	<b>4.020</b>
<b>12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	72.109.481.955	62.513.430.475
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	72.109.481.955	62.513.430.475
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.552.000	15.552.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	15.552.000	15.552.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>4.637</b>	<b>4.020</b>
<b>13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính</b>		
Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản		
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:		
<b>13.1 Rủi ro thị trường</b>		
Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.		
Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.		
Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các (khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Năm nay</b>		
Đồng Việt Nam	+100	405.363.258
Đồng Việt Nam	-100	(405.363.258)
Đô-la Mỹ	+100	16.953.753
Đô-la Mỹ	-100	(16.953.753)
Đồng EURO	+100	5.833.093
Đồng EURO	-100	(5.833.093)
<b>Năm trước</b>		
Đồng Việt Nam	+100	321.331.150
Đồng Việt Nam	-100	(321.331.150)
Đô-la Mỹ	+100	14.781.212
Đô-la Mỹ	-100	(14.781.212)
Đồng EURO	+100	5.945.705
Đồng EURO	-100	(5.945.705)

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**13.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến phải thu khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>				
Dưới 90 ngày	6.369.674.853	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	888.208.724
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>6.369.674.853</b>	-	-	<b>888.208.724</b>
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(888.208.724)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>6.369.674.853</b>	-	-	-
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>				
Dưới 90 ngày	8.955.900.517	-	-	-
91-180 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	640.381.584
<b>Tổng cộng giá trị ghi sổ</b>	<b>8.955.900.517</b>	-	-	<b>640.381.584</b>
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(640.381.584)
<b>Giá trị thuần</b>	<b>8.955.900.517</b>	-	-	-

**13.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu (xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	52.644.789.950	-	-	52.644.789.950
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.897.347.116	-	-	2.897.347.116
<b>Cộng</b>	<b>55.542.137.066</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>55.542.137.066</b>
Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Phải trả người bán	48.260.211.663	-	-	48.260.211.663
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	2.790.689.189	-	-	2.790.689.189
<b>Cộng</b>	<b>51.050.900.852</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.050.900.852</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng sẽ được trả đúng hạn.

**14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 32)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch với các bên liên quan**

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập của Hội đồng quản trị	Thù lao, lương và thưởng	1.672.253.335	1.599.599.996
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	8.613.442.917	7.516.655.869
<b>Cộng</b>		<b>10.285.696.252</b>	<b>9.116.255.865</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có trụ sở chính và chi nhánh đều tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý không trình bày.

**4.1. Báo cáo bộ phận: theo lĩnh vực kinh doanh**

Năm 2019	Lĩnh vực dịch vụ khám, chữa bệnh và lĩnh vực khác	Lĩnh vực kinh doanh bán thuốc	Tổng cộng
	Doanh thu thuần	497.588.277.762	163.061.215.830
Giá vốn	366.590.313.279	142.818.274.104	509.408.587.383
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	130.997.964.483	20.242.941.726	151.240.906.209
Năm 2018			
Doanh thu thuần	439.480.994.487	142.145.763.348	581.626.757.835
Giá vốn	321.678.105.990	124.897.494.525	446.575.600.515
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.802.888.497	17.248.268.823	135.051.157.320

**4.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý**

Trụ sở chính và chi nhánh (Phòng khám đa khoa Tâm Đức; Phòng khám đa khoa Phúc Đức) của Công ty đều tọa lạc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và hạch toán phụ thuộc. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục:** Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU - GĐTC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP. HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2020



Phan Thị Thanh Nga



Võ Thiện Tân

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ths. Đỗ Kim Thúy

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	140.624.717.435	164.861.861.694	4.817.484.628	1.917.054.499	404.616.561	<b>312.625.734.817</b>
Mua trong năm	-	30.714.595.360	908.653.400	-	-	<b>31.623.248.760</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(79.200.000)	-	-	-	<b>(79.200.000)</b>
Số dư cuối năm	140.624.717.435	195.497.257.054	5.726.138.028	1.917.054.499	404.616.561	<b>344.169.783.577</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	46.875.247.772	100.765.959.114	2.289.058.697	657.875.141	252.534.455	<b>150.840.675.179</b>
Khấu hao trong năm	4.599.643.344	12.272.257.661	428.634.112	195.495.255	37.674.810	<b>17.533.705.182</b>
Thanh lý, nhượng bán	-	(79.200.000)	-	-	-	<b>(79.200.000)</b>
Số dư cuối năm	51.474.891.116	112.959.016.775	2.717.692.809	853.370.396	290.209.265	<b>168.295.180.361</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	93.749.469.663	64.095.902.580	2.528.425.931	1.259.179.358	152.082.106	<b>161.785.059.638</b>
Số dư cuối năm	89.149.826.319	82.538.240.279	3.008.445.219	1.063.684.103	114.407.296	<b>175.874.603.216</b>

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 67.974.393.342 VND.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.

\* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

\* Các thay đổi khác về tài sản cố định hữu hình: không có.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>155.520.000.000</b>	<b>1.407.488.000</b>	<b>16.603.467.737</b>	<b>604.942.829</b>	<b>46.374.642.256</b>	<b>220.510.540.822</b>
Lợi nhuận	-	-	-	-	66.611.442.401	66.611.442.401
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.998.011.926	(5.222.044.803)	(2.224.032.877)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(73.667.366.000)	(73.667.366.000)
Giảm khác	-	-	-	(2.279.687.586)	-	(2.279.687.586)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>155.520.000.000</b>	<b>1.407.488.000</b>	<b>16.603.467.737</b>	<b>1.323.267.169</b>	<b>34.096.673.854</b>	<b>208.950.896.760</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>155.520.000.000</b>	<b>1.407.488.000</b>	<b>16.603.467.737</b>	<b>1.323.267.169</b>	<b>34.096.673.854</b>	<b>208.950.896.760</b>
Lợi nhuận	-	-	-	-	76.980.790.410	76.980.790.410
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	3.371.308.455	(6.170.336.530)	(2.799.028.075)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	(54.022.734.000)	(54.022.734.000)
Giảm khác	-	-	-	(3.999.539.478)	-	(3.999.539.478)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>155.520.000.000</b>	<b>1.407.488.000</b>	<b>16.603.467.737</b>	<b>695.036.146</b>	<b>50.884.393.734</b>	<b>225.110.385.617</b>

(\*) Căn cứ theo Nghị quyết 01.2019/NQ-ĐHCD ngày 27/4/2019, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2018 và tạm trích các quỹ năm 2019, chia cổ tức năm 2018 cụ thể như sau:

**- Trích lập các quỹ**

Năm 2019

+ Tạm trích quỹ từ thiện năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	600.000.000
+ Tạm trích quỹ nhân đạo năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	600.000.000
+ Tạm trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	2.771.308.455
+ Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	900.000.000
+ Tạm trích quỹ khoa học công nghệ năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	1.299.028.075
	<b>6.170.336.530</b>

**- Chia cổ tức**

+ Chia cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết 01.2019/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2019	18.007.578.000
+ Tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	18.007.578.000
+ Tạm chia cổ tức đợt 2 năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận	18.007.578.000
	<b>54.022.734.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2019		31/12/2018		31/12/2019	31/12/2018
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
- Phải thu khách hàng	7.257.883.577	(888.208.724)	9.596.282.101	(640.381.584)	6.369.674.853	8.955.900.517
- Phải thu khác	9.917.420.519	-	13.932.410.138	-	9.917.420.519	13.932.410.138
- Tiền và các khoản tương đương tiền	42.815.010.329	-	34.205.806.663	-	42.815.010.329	34.205.806.663
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.990.314.425</b>	<b>(888.208.724)</b>	<b>57.734.498.902</b>	<b>(640.381.584)</b>	<b>59.102.105.701</b>	<b>57.094.117.318</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
- Phải trả người bán	52.644.789.950	-	48.260.211.663	-	52.644.789.950	48.260.211.663
- Nợ phải trả tài chính khác, chi phí phải trả	2.897.347.116	-	2.790.689.189	-	2.897.347.116	2.790.689.189
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>55.542.137.066</b>	<b>-</b>	<b>51.050.900.852</b>	<b>-</b>	<b>55.542.137.066</b>	<b>51.050.900.852</b>

**PHỤ LỤC II**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

## BIÊN BẢN LÀM VIỆC BAN KIỂM SOÁT

Hôm nay ngày 23 tháng 03 năm 2020, chúng tôi gồm có:

### Ban Kiểm soát :

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| 1. Vương Thị Quỳnh Anh  | : Trưởng ban |
| 2. Bà Bùi Thúy Kiều     | : Thành viên |
| 3. BS.Nguyễn Nhị Phương | : Thành viên |

### Đại diện Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức :

- |                       |                      |
|-----------------------|----------------------|
| 1. ThS. Đỗ Kim Thuý   | : Tổng Giám Đốc      |
| 2. Phan Thị Thanh Nga | : Giám Đốc Tài chính |
| 3. Võ Thiệu Tân       | : Kế toán Trưởng     |

Ban Thư ký : CN. Trương Thị Mai Lan

Sau khi đã kiểm tra chứng từ, sổ sách và các báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức, chúng tôi thống nhất như sau:

### A. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT CHUYÊN MÔN :

Kết quả hoạt động chuyên môn năm 2019 đạt kết quả tốt trong tình hình kinh tế khó khăn, bệnh viện đã đưa ra nhiều giải pháp để đạt và một số hoạt động chuyên môn vượt kế hoạch với những nỗ lực rất lớn của đội ngũ bác sĩ Tâm Đức :

Các chỉ số chuyên môn đạt và vượt kế hoạch gồm có :

- Khám chữa bệnh ngoại trú tăng 8,4% so với năm 2018 (104.627/96.474 lượt) trong đó khám tim tăng 4,8% (91.025/86.808 lượt). Bình quân mỗi ngày có trên 328 người bệnh đến khám, nhưng cũng có ngày lên đến 475 người đến khám bệnh.
- Điều trị nội trú tăng 7,3% so với năm 2018 (5.920/5.515 bệnh nhân/năm), số bệnh nhân cấp cứu tăng 13% so với năm 2018 (4.357/3.850) chủ yếu ở nhóm bệnh mạch vành.
- Thông tim can thiệp năm 2019 tăng 7,6% so với năm 2018 (1.804/1.677 bệnh nhân/năm).
- Điện sinh lý tim năm 2019 tương đương với năm 2018 (236/229 ca/năm). Bệnh viện đã thực hiện kỹ thuật mới cắt đốt bằng mapping 3D thành công tốt đẹp đến nay được 90 trường hợp.
- Phẫu thuật tim tăng 5% so với năm 2018 (491/468). Bệnh viện Tim Tâm Đức là bệnh viện chuyên khoa tim ngoài công lập mổ tim nhiều nhất nước.
- Trẻ em mắc bệnh tim cần mổ ở các địa phương có nhiều lựa chọn bệnh viện để phẫu thuật. Tâm Đức vẫn tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ giữa địa phương và các nhà tài trợ. Tâm Đức đã đến các tỉnh như Cà Mau, Đồng Tháp, Vũng Tàu, Bạc Liêu, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bến Tre, Kiên Giang... khám sàng lọc bệnh tim mạch cho 12.312 trẻ (2018: 9.108) trong đó có 289 trẻ có chỉ định phẫu thuật. Năm 2019, Tâm Đức đã mổ được 303 em có chỉ định phẫu thuật trong các đợt khám sàng lọc, chiếm tỷ lệ 62% trong tổng số ca mổ (303/491).





- Về bảo hiểm y tế năm 2019 so với năm 2018 : số lượt BHYT chung tăng 4,5% (18.340/17.539) chủ yếu bệnh nhân ngoại trú, nhưng số tiền thanh toán BHYT tương đương năm 2018 (72,2 tỷ/72,6 tỷ). Khối ngoại trú có 13.911 lượt bệnh nhân BHYT chiếm 13,3% trong tổng số BN đến khám (13.911/104.627). Khối nội trú có 4.429 lượt bệnh nhân BHYT chiếm 75% trong tổng số ca nằm viện (4.429/5.920).
- Phòng Khám số 1 (Phòng Khám Đa Khoa Tâm Đức) : vẫn duy trì hoạt động, tổng số khám năm 2019 giảm 12% so với năm 2018 (22.524/25.530) do giảm hoạt động khám Răng Hàm Mặt và Tai Mũi Họng. Khám và điều trị các bệnh tim mạch tương đương năm 2018 (15.056/14.963).

## B. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH KẾ TOÁN :

- Tổng doanh thu năm 2019 : 663.503.321.133 VND (tăng 13,5% so với năm 2018), vượt 10,5% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 là 600 tỷ.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2019 : 86.601.871.643 VND (tăng 15,6% so với thực hiện năm 2018), vượt 12,47% so với kế hoạch năm 2019 là 77 tỷ.
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2019 : 76.980.790.410 VND (tăng 15,6% so với thực hiện năm 2018), vượt 13,21% so với kế hoạch năm 2019 là 68 tỷ.
- Bình quân lãi cơ bản là 4.637 VND/cổ phiếu (so với năm 2018 là 4.020 VND/cổ phiếu, tăng 15,3%). Vốn điều lệ : 155,52 tỷ, tổng cổ phiếu là : 15.552.000 CP.

Với số liệu tài chính năm 2019 như trên cho thấy Bệnh viện tim Tâm Đức đã vượt kế hoạch tài chính năm 2019 đề ra và vượt kết quả tài chính năm 2018.

## C. NHẬN XÉT CỦA BAN KIỂM SOÁT :

- Bệnh viện Tim Tâm Đức chính thức hoạt động từ tháng 3/2006 và đã có kết quả tài chính dương liên tiếp 13 năm từ năm 2007 đến nay.
- Ban quản lý bệnh viện vẫn tiếp tục phát huy tốt vai trò quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của bệnh viện. Đội ngũ bác sĩ, điều dưỡng của Tâm Đức đã trưởng thành, trình độ được nâng cao.
- Tháng 10/2018, Khu Khám điều trị đặc biệt và Sản sóc đặc biệt đi vào hoạt động, đáp ứng nhu cầu khám, điều trị và chăm sóc chất lượng cao, đã nâng cao uy tín và ảnh hưởng quan trọng đến kết quả tài chính của Tâm Đức. Đến nay đã có 6.371 bệnh nhân khám ngoại trú, 428 bệnh nhân điều trị nội trú, khu Hồi sức đặc biệt đã điều trị cho 339 bệnh nhân.
- Tháng 10/2018, bệnh viện thành lập phòng Nội soi tiêu hoá, đã thực hiện được 996 ca. Tháng 11/2018 thành lập phòng Đo lường xương và đã thực hiện được 1.117 ca.
- Quản lý tài chính về mặt sổ sách chứng từ đúng quy cũ và theo chuẩn mực kế toán hiện hành, được Công ty kiểm toán soát xét tình hình tài chính vào giữa niên độ và cuối niên độ tài chính.
- Bệnh viện thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, năm 2019 tổng số thuế đã nộp vào NSNN là 21,7 tỷ. BV Tim Tâm Đức đã từng nhận được bằng khen của Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế và Cục thuế TPHCM về việc chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế nhiều năm liền.



- Điểm nổi bật nhất của Tâm Đức trong năm qua là tiếp tục đạt thành tích xuất sắc trong triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chất lượng phục vụ người bệnh. Tâm Đức là 1 trong 10 bệnh viện thành phố và đồng hạng 2 trong nhóm bệnh viện ngoài công lập có điểm quản lý chất lượng bệnh viện cao nhất, đạt 4,33/5 điểm. Bên cạnh đó, Tâm Đức còn đạt giải “Cơ sở y tế xanh vì sức khỏe cộng đồng” của Bộ Y tế.
- Để duy trì và nâng cao chất lượng bệnh viện, cuối năm 2019 Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã có chỉ đạo các trưởng bộ phận lập kế hoạch cải tiến chất lượng của từng khoa phòng cho năm 2020. Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện có nhiệm vụ kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện cải tiến chất lượng của từng Khoa phòng.
- Tâm Đức vẫn tiếp tục chủ động phối hợp chặt chẽ với địa phương và các nhà tài trợ để tăng số trẻ em nghèo được mổ tim và số bệnh nhân được phẫu thuật.

Biên bản được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020 và lập thành 4 bản (mỗi bản gồm 3 trang) có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

**CT CP Bệnh viện Tim Tâm Đức**

**Ban kiểm soát**

**Ban Thư ký**

**Tổng Giám Đốc**

**Trưởng Ban**



**Bà Đỗ Kim Thuý**

**Vương Thị Quỳnh Anh**

**Trương Thị Mai Lan**

**Giám Đốc Tài chính**

**Kế toán Trưởng**

**Thành viên BKS**

**Phan Thị Thanh Nga**

**Võ Thiện Tân**

**Bùi Thúy Kiều**

**Nguyễn Nhị Phương**





## **BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

Khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, Nam Sài Gòn - 04 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Quận 7, TP.HCM.  
Website: [www.tamduchearthospital.com](http://www.tamduchearthospital.com) Điện thoại: 028 54110036 Fax: 028 54110029